ĐẢNG BỘ KHỐI CÁC CƠ QUAN TW
ĐẢNG UỶ BỘ TƯ PHÁP
*
Số 763 - CV/ĐU
V/v phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện các văn bản của Bộ Chính trị, Ban Bí thư

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 10 tháng 6 năm 2024

Kính gửi: - Các đảng bộ, chi bộ trực thuộc;
- Các tổ chức chính trị - xã hội thuộc Bộ.

Thực hiện các Quy định của Bộ Chính trị: Quy định số 142-QĐ/TW ngày 23/4/2024 về thí điểm giao quyền, trách nhiệm cho người đứng đầu trong công tác cán bộ; Quy định số 145-QĐ/TW ngày 10/5/2024 về chế độ bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp; Quy định số 148-QĐ/TW ngày 23/5/2024 về thẩm quyền người đứng đầu trong việc tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ cấp dưới trong trường hợp cần thiết hoặc khi có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Các văn bản của Ban Bí thư Trung ương Đảng: Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 24/5/2024 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát triển nhà ở xã hội trong tình hình mới; Quy định số 146-QĐ/TW ngày 14/5/2024 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, mối quan hệ công tác của đảng đoàn, ban cán sự đảng cấp tỉnh; Quyết định số 147-QĐ/TW ngày 14/5/2024 về ban hành Quy chế làm việc mẫu của đảng ủy cấp trên cơ sở trong doanh nghiệp Nhà nước, Đảng ủy Bộ Tư pháp đề nghị các đảng bộ, chi bộ trực thuộc, các tổ chức chính trị - xã hội thuộc Bộ tổ chức phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện đến cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động đầy đủ nội dung các văn bản sau:

1. Quy định số 142-QĐ/TW ngày 23/4/2024 của Bộ Chính trị về thí điểm giao quyền, trách nhiệm cho người đứng đầu trong công tác cán bộ.

2. Quy định số 145-QĐ/TW ngày 10/5/2024 của Bộ Chính trị về chế độ bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

3. Quy định số 148-QĐ/TW ngày 23/5/2024 của Bộ Chính trị về thẩm quyền người đứng đầu trong việc tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ cấp dưới trong trường hợp cần thiết hoặc khi có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 24/5/2024 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát triển nhà ở xã hội trong tình hình mới.

5. Quy định số 146-QĐ/TW ngày 14/5/2024 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, mối quan hệ công tác của đảng đoàn, ban cán sự đảng cấp tỉnh.

6. Quyết định số 147-QĐ/TW ngày 14/5/2024 của Ban Bí thư về ban hành Quy chế làm việc mẫu của đảng ủy cấp trên cơ sở trong doanh nghiệp Nhà nước.

Các văn bản được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp/Đảng Đoàn thể/Văn bản tài liệu/Văn bản tài liệu cấp trên.

Đề nghị các đảng bộ, chi bộ trực thuộc, các tổ chức chính trị - xã hội thuộc Bộ nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ban Tuyên giáo Đảng ủy Khối (để b/c);
- Ban cán sự đảng Bộ Tư pháp (để b/c);
- Bí thư Đảng ủy Bộ Tư pháp (để b/c);
- Các đ/c Phó Bí thư Đảng ủy Bộ Tư pháp (để biết);
- Lưu VPĐU, BTG.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
ĐẢNG ỦY BỘ TƯ PHÁP
ĐẢNG BỘ KHỐI CÁC CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG

Nguyễn Kim Tinh

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG * Số 142-QĐ/TW	ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM *Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 2024*

QUY ĐỊNH
thí điểm giao quyền, trách nhiệm cho người đứng đầu trong công tác cán bộ

- Căn cứ Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khoá XIII;

- Căn cứ Kết luận số 21-KL/TW, ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá";

- Căn cứ Quy định số 80-QĐ/TW, ngày 18/8/2022 của Bộ Chính trị về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử,

Bộ Chính trị quy định thí điểm giao quyền, trách nhiệm cho người đứng đầu trong công tác cán bộ như sau:

I- PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, NGUYÊN TẮC

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về phạm vi, đối tượng, nguyên tắc, thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hiện thí điểm về công tác cán bộ, gồm: Giới thiệu nhân sự bầu cử, bổ nhiệm cấp phó của người đứng đầu; bầu bổ sung uỷ viên ban thường vụ cấp uỷ cùng cấp; bổ nhiệm, miễn nhiệm cấp trưởng cấp dưới trực tiếp thuộc thẩm quyền quản lý.

2. Quy định này thực hiện thí điểm đối với các cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị từ cấp huyện trở lên (đối với Quân uỷ Trung ương, Đảng uỷ Công an Trung ương có quy định riêng).

Điều 2. Nguyên tắc

1. Bảo đảm Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ; nguyên tắc tập trung dân chủ; công tâm, khách quan, công khai, minh bạch, giữ gìn đoàn kết nội bộ; phát huy trách nhiệm của người đứng đầu và cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị.

2. Người đứng đầu có thể thực hiện hoặc không thực hiện thẩm quyền được giao theo Quy định này và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

3. Cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xem xét, thực hiện quy trình công tác cán bộ đối với nhân sự do người đứng đầu giới thiệu theo quy định.

II- THẨM QUYỀN, TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU

Điều 3. Đối với giới thiệu nhân sự bầu cử, bổ nhiệm cấp phó

Căn cứ chủ trương của cấp có thẩm quyền, tại bước 1 của quy trình nhân sự theo Điều 21, Quy định số 80-QĐ/TW, ngày 18/8/2022 của Bộ Chính trị về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử, người đứng đầu được giới thiệu nhân sự như sau:

1. Trường hợp nhân sự từ nguồn tại chỗ: Người đứng đầu căn cứ số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, yêu cầu nhiệm vụ và danh sách nhân sự trong quy hoạch lựa chọn, giới thiệu 1 nhân sự cho 1 chức danh để cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị xem xét đưa vào danh sách, tiến hành các bước tiếp theo.

2. Trường hợp nhân sự từ nguồn ở nơi khác: Người đứng đầu căn cứ số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, yêu cầu nhiệm vụ giới thiệu 1 nhân sự cho 1 chức danh để cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị xem xét tiến hành quy trình nhân sự.

Điều 4. Đối với giới thiệu nhân sự bầu bổ sung uỷ viên ban thường vụ cấp uỷ

Khi khuyết số lượng uỷ viên ban thường vụ thì người đứng đầu căn cứ tiêu chuẩn, điều kiện, đề án công tác nhân sự đại hội, danh sách quy hoạch để lựa chọn, giới thiệu nhân sự cho tập thể ban thường vụ xem xét, trình ban chấp hành giới thiệu bổ sung uỷ viên ban thường vụ; nếu nhân sự được ban chấp hành thống nhất giới thiệu thì ban thường vụ trình xin ý kiến cấp có thẩm quyền trước khi tiến hành bầu cử.

Điều 5. Đối với bổ nhiệm, miễn nhiệm cấp trưởng cấp dưới trực tiếp

Người đứng đầu được quyền xem xét bổ nhiệm, miễn nhiệm cấp trưởng của tổ chức, cơ quan, đơn vị ở cấp hành chính do mình trực tiếp quản lý theo quy định, như sau:

1. Căn cứ tiêu chuẩn, điều kiện, yêu cầu, nhiệm vụ, sau khi trao đổi, thống nhất ý kiến với cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị có thẩm quyền, người đứng đầu quyết định bổ nhiệm cán bộ.

2. Khi có căn cứ xem xét miễn nhiệm cán bộ theo quy định thì trong thời hạn 15 ngày làm việc, người đứng đầu ban hành quyết định miễn nhiệm cán bộ và gửi văn bản đến cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý cán bộ.

Điều 6. Trách nhiệm và xử lý trách nhiệm của người đứng đầu

1. Bảo đảm về tiêu chuẩn, điều kiện, phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, năng lực công tác của nhân sự do mình giới thiệu. Thực hiện nghiêm các quy định về công tác cán bộ, quy định về kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ.

Chịu trách nhiệm về quyết định của mình kể cả khi đã chuyển công tác hoặc nghỉ hưu trong các trường hợp sau:

- Giới thiệu cán bộ để bầu cử, bổ nhiệm thiếu công tâm, khách quan; không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện, phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, năng lực công tác.

- Miễn nhiệm cán bộ không bảo đảm căn cứ, thủ tục theo quy định.

2. Việc xem xét xử lý trách nhiệm của người đứng đầu trong trường hợp vi phạm quy định này được thực hiện theo quy định về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng và các quy định có liên quan.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Các cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị và người đứng đầu quy định tại Điều 1 có trách nhiệm thực hiện Quy định này. Thời gian thực hiện thí điểm là 5 năm kể từ khi ban hành Quy định.

Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, sơ kết, đánh giá kết quả việc thực hiện Quy định này và báo cáo Bộ Chính trị.

Nơi nhận:
- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh,
- Các đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Các đồng chí Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

Trương Thị Mai

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
*
Số 145-QĐ/TW

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 2024

QUY ĐỊNH
về chế độ bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp

---

- Căn cứ Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khoá XIII;

- Căn cứ các quy định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị về công tác cán bộ,

Bộ Chính trị quy định về chế độ bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về đối tượng, nội dung, thời gian, hình thức và phân cấp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cấp uỷ, tổ chức đảng, các ban, bộ, ngành, cơ quan Trung ương, địa phương, cơ quan tham mưu của cấp uỷ các cấp, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng được giao nhiệm vụ bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

b) Cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp được phân thành 3 nhóm bồi dưỡng như sau:

- Nhóm 1: Lãnh đạo chủ chốt và lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

- Nhóm 2: Cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý.

- Nhóm 3: Cán bộ thuộc diện cấp uỷ, tổ chức đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị quản lý.

Điều 2. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng cần thiết nhằm góp phần nâng cao năng lực, tư duy, tầm nhìn, chất lượng, hiệu quả công tác và kinh nghiệm thực tiễn cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

2. Yêu cầu

a) Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng là chế độ bắt buộc đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý; là một trong những tiêu chí đánh giá cán bộ và cấp uỷ, tổ chức đảng.

b) Việc tổ chức thực hiện chế độ bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp phải thiết thực, hiệu quả, tránh hình thức.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng là hoạt động củng cố, bổ sung kiến thức cần thiết, kiến thức mới về lý luận chính trị, công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị; kỹ năng lãnh đạo, quản lý của cán bộ đáp ứng yêu cầu tình hình mới (không bao gồm bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, chức danh nghề nghiệp, quản lý nhà nước, dự nguồn, kiến thức quốc phòng và an ninh, quán triệt nghị quyết,...).

2. Phân cấp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng là việc giao thẩm quyền, trách nhiệm cho cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan liên quan và cơ sở đào tạo, bồi dưỡng trong thực hiện chế độ bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

Điều 4. Nội dung bồi dưỡng

1. Định hướng nội dung bồi dưỡng

a) Kết quả tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận về quan điểm, đường lối của Đảng và những kiến thức góp phần nâng cao năng lực, tư duy, tầm nhìn, kinh nghiệm, kỹ năng về khoa học lãnh đạo, quản trị, quản lý; về xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách.

b) Nội dung mới được ban hành trong các nghị quyết, văn bản của Đảng gắn với đường lối, chủ trương, phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng; xây dựng

Đảng và hệ thống chính trị; phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại ở từng cấp, cơ quan, đơn vị, địa phương.

c) Tình hình thế giới, khu vực, trong nước và địa phương.

d) Kinh nghiệm của một số quốc gia tiên tiến; kinh nghiệm xử lý vấn đề phức tạp phát sinh trong công tác lãnh đạo, quản trị, quản lý.

2. Các cấp uỷ, tổ chức đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị cụ thể hoá, định hướng nội dung phù hợp thành các chuyên đề bồi dưỡng cho đối tượng tham gia.

Điều 5. Báo cáo viên

1. Cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp (đương chức và nguyên chức); nhà khoa học, chuyên gia, giảng viên có năng lực, kinh nghiệm thực tiễn và khả năng trình bày chuyên đề.

2. Báo cáo viên nước ngoài có uy tín, năng lực, kinh nghiệm phù hợp với chương trình bồi dưỡng và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 6. Thời gian, hình thức

1. Thời gian

a) Nhóm 1: Thời gian cụ thể do Bộ Chính trị quyết định.

b) Nhóm 2: Ít nhất 5 ngày/nhiệm kỳ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định.

c) Nhóm 3: Ít nhất 7 ngày/nhiệm kỳ do cấp uỷ, tổ chức đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị quản lý cán bộ quyết định.

2. Hình thức

Tổ chức bồi dưỡng theo hình thức trực tiếp hoặc trực tiếp kết hợp trực tuyến.

Điều 7. Phân cấp bồi dưỡng

1. Đối với Nhóm 1 và Nhóm 2

- Ban Tổ chức Trung ương chịu trách nhiệm tham mưu xây dựng, triển khai kế hoạch tổ chức bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng hằng năm và chủ trì hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

- Ban Tuyên giáo Trung ương chịu trách nhiệm định hướng về nội dung bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng và phối hợp thẩm định nội dung. Phối hợp hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện hằng năm.

- Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì tổ chức thực hiện kế hoạch bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng hằng năm; chủ trì phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, các cơ quan liên quan tổ chức thẩm định nội dung và đề xuất báo cáo viên.

2. Đối với Nhóm 3

a) Ban Tuyên giáo Trung ương chịu trách nhiệm định hướng về nội dung bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng và phối hợp thẩm định nội dung. Phối hợp hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện hằng năm.

b) Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì phối hợp, hướng dẫn các ban, bộ, ngành Trung ương, tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương xây dựng và thẩm định nội dung chuyên đề; giới thiệu báo cáo viên.

c) Các ban, bộ, ngành, cơ quan Trung ương chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc cụ thể hoá việc thực hiện chế độ bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng. Phối hợp với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh lựa chọn nội dung, chuyên đề. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý theo thẩm quyền.

d) Ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm:

- Lãnh đạo, chỉ đạo cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc cụ thể hoá, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện chế độ bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng. Phối hợp với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh lựa chọn nội dung, chuyên đề và tổ chức triển khai thực hiện bồi dưỡng đối với cán bộ thuộc quyền quản lý.

- Chỉ đạo ban tổ chức cấp uỷ cấp tỉnh phối hợp với các cơ quan liên quan, trường chính trị cấp tỉnh xây dựng kế hoạch, lựa chọn nội dung, thẩm định nội dung chương trình bồi dưỡng và tổ chức thực hiện bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng theo thẩm quyền.

- Chỉ đạo ban thường vụ cấp uỷ cấp huyện, các ban, sở, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh phối hợp với trường chính trị cấp tỉnh và các cơ sở đào tạo có liên quan khác tổ chức thực hiện bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý theo thẩm quyền.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Cấp uỷ, tổ chức đảng các cấp, các cơ quan liên quan lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện chế độ bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp và bảo đảm chế độ, chính sách theo quy định.

2. Cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp gương mẫu thực hiện chế độ bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng; đề cao ý thức tự học tập, rèn luyện.

3. Kinh phí bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước.

4. Định kỳ cuối năm, cơ sở được giao nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng báo cáo cấp có thẩm quyền về kết quả bồi dưỡng.

5. Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các cơ quan liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát và hướng dẫn việc triển khai thực hiện chế độ bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp và định kỳ báo cáo Bộ Chính trị.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Quy định số 164-QĐ/TW, ngày 01/02/2013 của Bộ Chính trị về chế độ bồi dưỡng, cập nhật kiến thức đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp và phổ biến đến chi bộ.

Nơi nhận:
- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh,
- Các đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Các đồng chí Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

Trương Thị Mai

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
*
Số 148-QĐ/TW

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 23 tháng 5 năm 2024

ĐẢNG ỦY BỘ TƯ PHÁP
CÔNG VĂN ĐẾN NGÀY 06/6/24
CHUYỂN.....

QUY ĐỊNH

về thẩm quyền của người đứng đầu trong việc tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ cấp dưới trong trường hợp cần thiết hoặc khi có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước

---

ĐẢNG ỦY KHỐI CÁC CƠ QUAN TW
ĐẾN Số: 723
Ngày: 28/5/2024
Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

- Căn cứ Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khoá XIII,

Bộ Chính trị quy định về thẩm quyền của người đứng đầu trong việc tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ cấp dưới trong trường hợp cần thiết hoặc khi có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước như sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định nguyên tắc, căn cứ, thẩm quyền, trách nhiệm, thời hạn, thủ tục, hồ sơ tạm đình chỉ công tác của người đứng đầu đối với cán bộ cấp dưới trong trường hợp cần thiết hoặc khi có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Áp dụng đối với người đứng đầu cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị (gọi tắt là người đứng đầu cơ quan); cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị và đơn vị sự nghiệp công lập *(gọi chung là cán bộ)*.

3. Việc tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý do Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định.

Việc tạm đình chỉ đối với các chức danh cấp uỷ viên, đại biểu Quốc hội, đại biểu hội đồng nhân dân, các chức danh tư pháp, uỷ viên Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và uỷ viên ban chấp hành các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và điều lệ của tổ chức.

Điều 2. Nguyên tắc

1. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng trong công tác cán bộ, đúng căn cứ, thẩm quyền, trách nhiệm, thời hạn, thủ tục, hồ sơ theo Quy định.

2. Bảo đảm ngăn chặn kịp thời tác động tiêu cực, gây cản trở việc xem xét, xử lý vi phạm đối với cán bộ. Nghiêm cấm lợi dụng việc tạm đình chỉ công tác vì mục đích cá nhân.

3. Người đứng đầu khi đã có thông báo nghỉ hưu, thông báo nghỉ công tác chờ nghỉ hưu, chuyển công tác hoặc đang bị xem xét kỷ luật, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo thì phải báo cáo và được sự đồng ý của thường trực cấp uỷ cấp trên trực tiếp (hoặc cấp uỷ cấp trên trực tiếp đối với những tổ chức đảng không có thường trực cấp uỷ) trước khi thực hiện thẩm quyền tạm đình chỉ công tác.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Tạm đình chỉ công tác là việc buộc cán bộ dừng thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao trong thời hạn nhất định. Tạm đình chỉ công tác không phải là hình thức kỷ luật.

Chương II
CĂN CỨ, THẨM QUYỀN, TRÁCH NHIỆM TẠM ĐÌNH CHỈ CÔNG TÁC

Điều 4. Căn cứ tạm đình chỉ công tác trong trường hợp cần thiết

1. Cán bộ có hành vi vi phạm về phẩm chất đạo đức, lối sống gây ảnh hưởng tiêu cực, bức xúc trong dư luận, ảnh hưởng xấu đến uy tín tổ chức, cá nhân.

2. Cán bộ cố tình trì hoãn, đùn đẩy, né tránh trách nhiệm, không thực hiện công việc thuộc thẩm quyền theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Cán bộ có hành vi những nhiễu, tiêu cực, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức trong quá trình thực thi công vụ.

4. Cán bộ đang bị xem xét, xử lý kỷ luật mà cố ý trì hoãn, trốn tránh không thực hiện yêu cầu của cấp có thẩm quyền trong quá trình xem xét, xử lý vi phạm của bản thân hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn, ảnh hưởng của mình, của người khác để tác động, gây khó khăn cho việc xem xét, xử lý.

5. Cán bộ bị kỷ luật đảng bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức và đang trong thời gian chờ xem xét, xử lý chức vụ chính quyền mà nếu tiếp tục công tác sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động của cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị.

Điều 5. Căn cứ tạm đình chỉ công tác trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng

1. Cán bộ bị khởi tố để phục vụ công tác điều tra.

2. Trong quá trình xem xét, xử lý hành vi vi phạm của cán bộ, có cơ sở xác định phải xử lý kỷ luật từ cảnh cáo trở lên hoặc xử lý bằng pháp luật hình sự mà cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án có văn bản đề nghị tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ.

Điều 6. Thẩm quyền của người đứng đầu trong việc tạm đình chỉ công tác

1. Người đứng đầu có quyền quyết định tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ cấp dưới theo Danh mục kèm theo Quy định này khi có một trong những căn cứ được quy định tại Điều 4, Điều 5 của Quy định. Trường hợp chưa có trong Danh mục thì do người đứng đầu cấp có thẩm quyền bổ nhiệm và quản lý xem xét, quyết định tạm đình chỉ công tác.

Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định việc tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý; các cơ quan, đơn vị thực hiện các thủ tục liên quan theo quy định.

2. Đề nghị cơ quan chức năng, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến việc ra quyết định tạm đình chỉ công tác hoặc yêu cầu cơ quan chức năng kiểm tra, xác minh làm rõ, xử lý vi phạm theo quy định.

3. Yêu cầu cán bộ bị tạm đình chỉ công tác chấp hành các yêu cầu của cơ quan chức năng hoặc người có thẩm quyền để phục vụ công tác xác minh, làm rõ, xử lý vi phạm.

Điều 7. Trách nhiệm của người đứng đầu trong việc tạm đình chỉ công tác

1. Kịp thời ra quyết định tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ cấp dưới khi có một trong những căn cứ được quy định tại Điều 4, Điều 5 của Quy định này; huỷ bỏ quyết định tạm đình chỉ công tác trong trường hợp không đúng quy định hoặc khi có kết luận không vi phạm, đồng thời báo cáo cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ.

2. Chịu trách nhiệm về việc ra quyết định tạm đình chỉ công tác, huỷ bỏ quyết định tạm đình chỉ công tác. Công bố quyết định tạm đình chỉ công tác, quyết định huỷ bỏ tạm đình chỉ công tác trong cơ quan, đơn vị nơi cán bộ công tác và gửi quyết định tạm đình chỉ công tác, quyết định huỷ bỏ tạm đình chỉ công tác đến các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

3. Khi hết thời hạn tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ nếu có nhiều tình tiết phức tạp cần có thời gian tiếp tục xác minh, làm rõ vi phạm của cán bộ thì báo cáo cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ trước khi gia hạn tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ.

Điều 8. Quyền và trách nhiệm của cán bộ bị tạm đình chỉ công tác

1. Quyền của cán bộ bị tạm đình chỉ công tác

1.1. Có quyền đề nghị người đứng đầu xem xét lại quyết định tạm đình chỉ công tác nếu có căn cứ xác định việc tạm đình chỉ công tác không đúng quy định.

1.2. Được khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp của mình khi được cơ quan chức năng kết luận không vi phạm, không bị xử lý vi phạm.

1.3. Chế độ, chính sách đối với cán bộ trong thời gian bị tạm đình chỉ công tác được thực hiện như trước thời điểm bị tạm đình chỉ công tác.

2. Trách nhiệm của cán bộ bị tạm đình chỉ công tác

2.1. Chấp hành nghiêm quyết định tạm đình chỉ công tác.

2.2. Cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu có liên quan và chấp hành yêu cầu của người đứng đầu, cấp có thẩm quyền trong quá trình xác minh, làm rõ, xử lý vi phạm.

Điều 9. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan

Tổ chức, cá nhân có liên quan phải chịu trách nhiệm về thông tin, báo cáo, công tác tham mưu, đề xuất, đề nghị tạm đình chỉ công tác và thực hiện việc tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Chương III
THỜI HẠN, THỦ TỤC, HỒ SƠ TẠM ĐÌNH CHỈ CÔNG TÁC

Điều 10. Thời hạn tạm đình chỉ công tác

1. Thời hạn tạm đình chỉ công tác trong trường hợp cần thiết không quá 15 ngày làm việc, trường hợp phải gia hạn thì thời gian gia hạn tạm đình chỉ công tác tối đa không quá 15 ngày làm việc.

2. Thời hạn tạm đình chỉ công tác trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước thực hiện theo đề nghị của cơ quan tiến hành tố tụng; thanh tra; kiểm tra; kiểm toán; thi hành án.

3. Quyết định tạm đình chỉ công tác đương nhiên hết hiệu lực thi hành khi hết thời hạn tạm đình chỉ công tác.

Điều 11. Thủ tục và quản lý hồ sơ tạm đình chỉ công tác

1. Thủ tục tạm đình chỉ công tác

1.1. Khi xác định có căn cứ tạm đình chỉ công tác được quy định tại Điều 4, Điều 5 của Quy định này thì chậm nhất sau 2 ngày làm việc, cơ quan (bộ phận) tổ chức cán bộ (nhân sự) có trách nhiệm tham mưu người đứng đầu ra quyết định tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ.

1.2. Chậm nhất sau 2 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất của cơ quan (bộ phận) tổ chức cán bộ (nhân sự), người đứng đầu ra quyết định tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ.

1.3. Trong 3 ngày làm việc kể từ ngày có đủ cơ sở để huỷ bỏ quyết định tạm đình chỉ công tác thì người đứng đầu ra quyết định huỷ bỏ quyết định tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ.

1.4. Quyết định tạm đình chỉ công tác và quyết định huỷ bỏ quyết định tạm đình chỉ công tác được gửi đến cán bộ bị tạm đình chỉ công tác, công bố trong cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ và gửi đến cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

2. Quản lý hồ sơ

Quyết định tạm đình chỉ công tác, quyết định huỷ bỏ tạm đình chỉ công tác và tài liệu liên quan phải lưu vào hồ sơ cán bộ, được quản lý, sử dụng theo quy định.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Các cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị và người đứng đầu quy định tại Điều 1 có trách nhiệm thực hiện Quy định này.

2. Các cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ cấp dưới của người

đứng đầu; báo cáo kết quả thực hiện về Ban Tổ chức Trung ương để tổng hợp, báo cáo Bộ Chính trị khi có yêu cầu.

3. Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy định pháp luật có liên quan phù hợp với Quy định này.

4. Căn cứ Quy định này, Quân uỷ Trung ương, Đảng uỷ Công an Trung ương, Hội quần chúng do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương quy định cụ thể thẩm quyền của người đứng đầu trong việc tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ cấp dưới cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, đặc điểm tình hình của cơ quan, đơn vị.

5. Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy định và báo cáo Bộ Chính trị khi có yêu cầu.

Quy định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
Đã ký
Lương Cường

ĐẢNG ỦY KHỐI CÁC CƠ QUAN TW
*
Số 74-SL/ĐUK

Nơi nhận:
- Thường trực Đảng ủy Khối,
- Các ban, đơn vị Đảng ủy Khối,
- Các đảng ủy trực thuộc,
- Ban Tổ chức Đảng ủy Khối,
- Lưu VP.

SAO LỤC
Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2024
T/L BAN THƯỜNG VỤ
CHÁNH VĂN PHÒNG

Nguyễn Minh Chung

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG * Số 34-CT/TW	**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM** *Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2024*

CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ
về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát triển nhà ở xã hội trong tình hình mới

---

Trong suốt quá trình đổi mới, xây dựng và phát triển đất nước, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm đến công tác phát triển nhà ở cho người dân, nhất là nhà ở xã hội. Đến nay, cả nước đã hoàn thành xây dựng 195.000 căn nhà ở xã hội và có khoảng 374.000 căn nhà ở xã hội đã được chấp thuận đầu tư và khởi công, cấp phép xây dựng. Chính sách hỗ trợ nhà ở thông qua các chương trình mục tiêu cho các đối tượng là người có công với cách mạng, hộ nghèo, hộ cận nghèo khu vực nông thôn và hộ gia đình tại khu vực nông thôn thuộc vùng thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu được triển khai đồng bộ và đạt được nhiều kết quả tích cực.

Bên cạnh kết quả đạt được, công tác phát triển nhà ở xã hội vẫn còn một số hạn chế như: Nhiều mục tiêu về phát triển nhà ở xã hội trong Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 không đạt được; nguồn cung nhà ở xã hội còn hạn chế so với nhu cầu thực tế; giá nhà ở xã hội bình quân còn quá cao so với thu nhập của đối tượng thụ hưởng; công tác quản lý nhà nước về nhà ở xã hội vẫn còn nhiều yếu kém, bất cập; tỉ lệ quỹ đất dành cho phát triển nhà ở xã hội khu vực đô thị thấp; nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho các chương trình tín dụng ưu đãi nhà ở xã hội còn thấp, chưa huy động được mạnh mẽ nguồn lực xã hội tham gia; còn tình trạng nhà tạm, nhà dột nát, nhất là tại các vùng khó khăn, chịu nhiều ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu.

Nguyên nhân của những hạn chế trên chủ yếu là do một số cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, nhất là người đứng đầu chưa nhận thức sâu sắc, đầy đủ, thiếu quyết liệt trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo phát triển nhà ở xã hội và thực hiện các chủ trương, chính sách hỗ trợ nhà ở cho các đối tượng chính sách; hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về phát triển nhà ở xã hội chậm được đổi mới, hoàn thiện, thiếu sự đột phá để thu hút nguồn lực ngoài nhà nước cho phát triển nhà ở xã hội; sự phối hợp giữa các cơ quan liên quan chưa chặt chẽ;

công tác kiểm tra, giám sát, phát hiện, xử lý sai phạm trong phát triển nhà ở xã hội chưa thường xuyên, thiếu hiệu quả.

Để đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác phát triển nhà ở xã hội, góp phần giải quyết cơ bản nhu cầu nhà ở cho người dân, Ban Bí thư yêu cầu các cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội quán triệt và thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

1. Tăng cường công tác tuyên truyền, quán triệt, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng xã hội về tính chất, ý nghĩa của công tác phát triển nhà ở xã hội; xác định phát triển nhà ở xã hội là quyết tâm chính trị, nhiệm vụ quan trọng của Đảng và cả hệ thống chính trị, thể hiện đặc trưng, bản chất tốt đẹp của chế độ ta; là một trong những nhiệm vụ trọng tâm cần ưu tiên trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, phát huy vai trò và gắn trách nhiệm của người đứng đầu trong việc nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phát triển nhà ở xã hội; đưa chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội vào hệ thống chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hằng năm của địa phương. Phấn đấu đến năm 2030, cả nước xoá bỏ hoàn toàn tình trạng nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu; hoàn thành xây dựng ít nhất 1 triệu căn nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp tại khu vực đô thị; thực hiện tốt việc hỗ trợ nhà ở theo các chương trình mục tiêu, nhất là đối với người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng khó khăn về nhà ở, hộ nghèo ở tại khu vực nông thôn, vùng dân tộc thiểu số và miền núi; bảo đảm 100% người có công và gia đình người có công với cách mạng được chăm lo tốt về nhà ở.

2. Thực hiện quy hoạch, bố trí các dự án nhà ở xã hội độc lập, hoặc trong các dự án nhà ở thương mại tại các vị trí thuận tiện về giao thông, gắn với các trung tâm công nghiệp, bảo đảm đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội thiết yếu. Nhà nước ưu tiên bố trí quỹ đất, nguồn vốn, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển nhà ở xã hội; có cơ chế, chính sách ưu đãi thực chất, đủ hấp dẫn để thu hút, khuyến khích các thành phần kinh tế trong nước và nước ngoài tham gia đầu tư, phát triển nhà ở xã hội và thực hiện các chính sách hỗ trợ nhà ở cho các đối tượng.

Phát triển đa dạng loại hình nhà ở xã hội và cơ chế, chính sách mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà lưu trú, ký túc xá cho công nhân, người thu nhập

thấp khu vực đô thị, học sinh, sinh viên, lực lượng vũ trang với giá phù hợp với khả năng chi trả của từng đối tượng thụ hưởng; tăng tỉ lệ nhà ở xã hội cho thuê; chú trọng hỗ trợ nhà ở và đất ở cho người có công với cách mạng, người nghèo và các đối tượng chính sách, bảo đảm phù hợp với quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng và kế hoạch phát triển nhà ở trong từng giai đoạn của địa phương; kết hợp linh hoạt giữa các chính sách hỗ trợ của Nhà nước và sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội, các doanh nghiệp, cá nhân. Nhà ở xã hội và nhà ở được Nhà nước hỗ trợ tại các chương trình mục tiêu, nhà lưu trú công nhân bảo đảm về chất lượng xây dựng, kiến trúc, cảnh quan, đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, an ninh, an toàn, phòng cháy, chữa cháy, đồng bộ về cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội thiết yếu (y tế, giáo dục, văn hoá...).

3. Rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật có liên quan đến nhà ở xã hội, nhất là về cơ chế tài chính, sử dụng nguồn lực, đất đai, đầu tư, đầu tư công, xây dựng, đấu thầu, quy hoạch đô thị và nông thôn, quản lý phát triển đô thị, quản lý và sử dụng tài sản công, chính sách thuế, quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế... Chính sách hỗ trợ, ưu đãi đối tượng được hưởng chính sách nhà ở xã hội phải bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng, đúng đối tượng; nâng mức hỗ trợ nhà ở cho người có công và các đối tượng chính sách tại các chương trình mục tiêu. Thực hiện tính đúng, tính đủ các chi phí hợp lý, hợp lệ trong xác định giá nhà ở xã hội. Nghiên cứu ban hành cơ chế, chính sách đặc thù về nhà ở xã hội cho công nhân và lực lượng vũ trang nhân dân. Hoàn thiện pháp luật và tạo thuận lợi về cơ chế, chính sách để Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tham gia phát triển nhà ở xã hội bằng nguồn tài chính công đoàn.

Ban hành cơ chế, chính sách tạo thuận lợi và chủ động cho các địa phương trong việc dành ngân sách đầu tư xây dựng dự án nhà ở xã hội, thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư để có quỹ đất sạch làm nhà ở xã hội; đầu tư hạ tầng kỹ thuật ngoài dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội, đấu nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật, bảo đảm đồng bộ hạ tầng xã hội trong và ngoài phạm vi dự án. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tham gia đầu tư phát triển nhà ở xã hội, các đối tượng thụ hưởng được tiếp cận dễ dàng với nhà ở xã hội; cắt giảm tối đa thời gian thực hiện các thủ tục hành chính trong đầu tư xây dựng, kinh doanh, mua bán, quản lý, sử dụng nhà ở xã hội. Thực hiện trình tự thủ tục hành chính giao đất, giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng, lựa chọn chủ đầu tư dự án nhà ở xã hội... theo hướng rút gọn, bảo đảm nhanh chóng, thuận tiện, công khai, minh bạch. Có cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích phát triển nhà ở xã hội theo hướng mô hình xanh, sử dụng tiết kiệm năng lượng, phát triển bền vững, phát thải cácbon thấp.

4. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn cho phát triển nhà ở xã hội; ưu tiên bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước từ Trung ương và địa phương tương xứng, kịp thời để bảo đảm thực hiện các mục tiêu phát triển nhà ở xã hội; Nhà nước tập trung phát triển nhà ở xã hội cho thuê khu vực đô thị bằng nguồn vốn đầu tư công; đẩy mạnh thực hiện xã hội hoá nguồn vốn phát triển nhà ở xã hội, đặc biệt là của các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài. Rà soát, sớm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để triển khai hiệu quả chương trình cho vay hỗ trợ nhà ở xã hội. Nghiên cứu hình thành quỹ phát triển nhà ở xã hội, hoặc mô hình định chế tài chính phù hợp để phát triển nhà ở xã hội dài hạn, bền vững; mở rộng nguồn vốn phát triển nhà ở xã hội từ quỹ đầu tư phát triển địa phương và nguồn vốn từ nước ngoài; khuyến khích hình thành các quỹ đầu tư, quỹ tín thác đầu tư và các hoạt động liên danh, liên kết thực hiện dự án nhà ở xã hội.

Bố trí cấp đủ nguồn vốn ngân sách cho Ngân hàng Chính sách xã hội để thực hiện chính sách hỗ trợ, cho vay phát triển nhà ở xã hội; thực hiện đầy đủ, kịp thời việc cấp bù lãi suất cho các ngân hàng thương mại được Nhà nước chỉ định để cho cá nhân và doanh nghiệp vay ưu đãi phát triển nhà ở xã hội; rà soát, đổi mới, tiếp tục mở rộng chương trình cho vay ưu đãi đối với cá nhân, hộ gia đình để mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội theo chính sách về nhà ở xã hội.

5. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đổi mới phương thức, mô hình quản lý và phát triển nhà ở xã hội; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; phân cấp, phân quyền mạnh mẽ cho các địa phương trong phát triển nhà ở xã hội, đi đôi với tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát, bảo đảm việc triển khai các dự án nhà ở xã hội, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quỹ đất phát triển nhà ở xã hội trong các dự án nhà ở thương mại đúng mục đích. Quản lý, giám sát chặt chẽ việc đầu tư, xây dựng, bán, cho thuê, sử dụng căn hộ các dự án nhà ở xã hội. Có chế tài đủ mạnh, ngăn ngừa, kịp thời xử lý nghiêm những sai phạm, trục lợi chính sách. Đẩy nhanh hoàn thành xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản, trong đó có nhà ở xã hội. Nghiên cứu thành lập, thiết lập cơ chế hoạt động của doanh nghiệp nhà nước chuyên đầu tư phát triển nhà ở xã hội.

6. Tổ chức thực hiện

- Các cấp uỷ đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương tổ chức nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền sâu rộng nội dung Chỉ thị tới cán bộ, đảng viên và Nhân dân; xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Chỉ thị và thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện; các tỉnh uỷ, thành uỷ thành lập ban chỉ đạo về phát triển nhà ở xã hội và thực hiện các chính sách hỗ trợ về nhà ở cho các đối tượng chính sách.

- Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo hoàn thiện các văn bản pháp luật liên quan đến phát triển nhà ở xã hội; ưu tiên phân bổ nguồn lực cho công tác xây dựng và phát triển nhà ở xã hội và tăng cường giám sát việc tổ chức thực hiện.

- Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo xây dựng kế hoạch thực hiện Chỉ thị; rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách về phát triển nhà ở xã hội và chính sách hỗ trợ nhà ở cho các đối tượng chính sách, có các giải pháp cụ thể tháo gỡ, giải quyết nhu cầu nhà ở đang rất bức thiết của công nhân, lực lượng vũ trang, người thu nhập thấp tại đô thị; củng cố, kiện toàn các cơ quan đầu mối có chức năng, nhiệm vụ phát triển nhà ở xã hội.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tăng cường công tác giám sát việc thực hiện Chỉ thị; phối hợp giám sát việc thực hiện chính sách về phát triển nhà ở xã hội và chính sách hỗ trợ nhà ở cho các đối tượng chính sách.

- Ban Tuyên giáo Trung ương chỉ đạo, định hướng các cơ quan thông tin đại chúng tăng cường tuyên truyền về công tác phát triển nhà ở xã hội.

- Ban Kinh tế Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban cán sự đảng Bộ Xây dựng và các cơ quan liên quan tổ chức triển khai thực hiện và thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Ban Bí thư kết quả thực hiện Chỉ thị này.

Chỉ thị này phổ biến đến chi bộ.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

Lương Cường

Nơi nhận:
- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh,
- Các đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Đảng uỷ Ngân hàng Chính sách xã hội,
- Các đồng chí Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG * Số 146-QĐ/TW	ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM *Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 2024*

QUY ĐỊNH
chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, mối quan hệ công tác của đảng đoàn, ban cán sự đảng cấp tỉnh

---

- Căn cứ Điều lệ Đảng và Quy định số 24-QĐ/TW, ngày 30/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về thi hành Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khoá XIII,

Ban Bí thư quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, nguyên tắc làm việc, mối quan hệ công tác của đảng đoàn, ban cán sự đảng trong cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, liên hiệp các hội văn học nghệ thuật, liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật cấp tỉnh (sau đây gọi chung là đảng đoàn, ban cán sự đảng cấp tỉnh) như sau:

Chương I
CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN

Điều 1. Vị trí, chức năng

Đảng đoàn, ban cán sự đảng cấp tỉnh là tổ chức đảng do ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là ban thường vụ cấp uỷ cấp tỉnh) thành lập, chịu sự lãnh đạo trực tiếp và thường xuyên của ban thường vụ cấp uỷ cấp tỉnh, thực hiện chức năng lãnh đạo, chỉ đạo đối với hội đồng nhân dân, uỷ ban nhân dân, toà án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, liên hiệp các hội văn học nghệ thuật, liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật cấp tỉnh theo quy định của Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn của Trung ương.

Điều 2. Nhiệm vụ

1. Lãnh đạo, chỉ đạo cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội và liên hiệp các hội văn học nghệ thuật, liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật cấp tỉnh thực hiện Cương lĩnh, Điều lệ Đảng, đường lối,

chủ trương, chính sách, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng (sau đây gọi chung là chủ trương, quy định của Đảng) và của cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ cấp tỉnh, pháp luật của Nhà nước, điều lệ của từng tổ chức; phương hướng, nhiệm vụ chính trị, tổ chức, cán bộ của ngành, cơ quan, tổ chức; lãnh đạo kiểm tra việc chấp hành chủ trương, quy định của Đảng; quyết định những vấn đề về tổ chức, cán bộ, biên chế theo phân công, phân cấp quản lý cán bộ; phối hợp với đảng uỷ (hoặc chi bộ) để thực hiện công tác xây dựng cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội trong phạm vi ngành, lĩnh vực được phân công.

2. Đảng đoàn, ban cán sự đảng cấp tỉnh thảo luận tập thể, biểu quyết và quyết nghị các vấn đề sau:

- Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của ngành, lĩnh vực được phân công. Cụ thể hoá chủ trương, quy định của Đảng và của cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ cấp tỉnh, pháp luật của Nhà nước thành các chương trình, kế hoạch thực hiện của cơ quan, tổ chức.

- Lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, đề án quan trọng mà đảng đoàn, ban cán sự đảng cấp tỉnh, cơ quan, tổ chức có trách nhiệm soạn thảo, ban hành.

- Lãnh đạo, chịu trách nhiệm toàn diện về tổ chức, bộ máy và biên chế, công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ theo phân cấp.

- Lãnh đạo công tác kiểm tra việc chấp hành chủ trương, quy định của Đảng và của cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ cấp tỉnh trong ngành, lĩnh vực được phân công. Cho chủ trương, quan điểm xử lý kỷ luật đảng viên là cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền theo phân cấp quản lý.

3. Phối hợp với các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của cấp uỷ cấp tỉnh, các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc cấp uỷ cấp tỉnh và đảng uỷ (hoặc chi bộ) cơ quan để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng đảng bộ (hoặc chi bộ) cơ quan trong sạch, vững mạnh.

Điều 3. Quyền hạn

1. Thực hiện quyền hạn của mình theo quy định và chịu trách nhiệm trước ban thường vụ cấp uỷ cấp tỉnh về các đề xuất và quyết định của mình.

2. Được sử dụng bộ máy giúp việc của cơ quan để thực hiện nhiệm vụ.

3. Dự các cuộc họp có liên quan do ban thường vụ, thường trực cấp uỷ cấp tỉnh triệu tập.

4. Được các cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin:

- Chủ trương, quy định của Đảng và của cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ cấp tỉnh, chính sách, pháp luật của Nhà nước ban hành và các thông tin có liên quan.

- Báo cáo tổng kết, báo cáo chuyên đề của các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ cấp tỉnh và các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc cấp uỷ cấp tỉnh có liên quan đến nhiệm vụ của đảng đoàn, ban cán sự đảng cấp tỉnh.

Việc cung cấp thông tin cho các thành viên đảng đoàn, ban cán sự đảng cấp tỉnh do bí thư (hoặc phó bí thư hoặc thành viên (nơi không có phó bí thư) được uỷ quyền) xem xét, quyết định.

Chương II
CƠ CẤU TỔ CHỨC, NGUYÊN TẮC VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

Điều 4. Cơ cấu tổ chức

Thành viên đảng đoàn, ban cán sự đảng cấp tỉnh do ban thường vụ cấp uỷ cấp tỉnh quyết định chỉ định trên cơ sở đề nghị của ban tổ chức cấp uỷ và đảng đoàn, ban cán sự đảng.

1. Thành viên đảng đoàn hội đồng nhân dân cấp tỉnh gồm: Chủ tịch, các phó chủ tịch hội đồng nhân dân, trưởng các ban của hội đồng nhân dân, chánh văn phòng đoàn đại biểu Quốc hội và hội đồng nhân dân. Chủ tịch hội đồng nhân dân làm bí thư đảng đoàn, một phó chủ tịch hội đồng nhân dân làm phó bí thư đảng đoàn.

2. Thành viên ban cán sự đảng uỷ ban nhân dân cấp tỉnh gồm: Chủ tịch, các phó chủ tịch uỷ ban nhân dân, giám đốc sở nội vụ, chánh văn phòng uỷ ban nhân dân. Chủ tịch uỷ ban nhân dân làm bí thư ban cán sự đảng, một phó chủ tịch uỷ ban nhân dân làm phó bí thư ban cán sự đảng.

3. Thành viên đảng đoàn Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh gồm: Chủ tịch, các phó chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (là đảng viên), trưởng các tổ chức chính trị - xã hội, các uỷ viên ban chấp hành đảng bộ cấp tỉnh tham gia Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, trưởng ban có nhiệm vụ tham mưu công tác tổ chức, cán bộ (là đảng viên) cơ quan chuyên trách của Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam làm bí thư đảng đoàn, một phó chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam làm phó bí thư đảng đoàn.

4. Thành viên ban cán sự đảng toà án nhân dân cấp tỉnh gồm: Chánh án, các phó chánh án, trưởng phòng tổ chức cán bộ. Chánh án làm bí thư ban cán sự đảng, một phó chánh án làm phó bí thư ban cán sự đảng.

5. Thành viên ban cán sự đảng viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh gồm: Viện trưởng, các phó viện trưởng, trưởng phòng tổ chức cán bộ. Viện trưởng làm bí thư ban cán sự đảng, một phó viện trưởng làm phó bí thư ban cán sự đảng.

6. Thành viên đảng đoàn các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh gồm: Chủ tịch, các phó chủ tịch và trưởng ban (phòng) có nhiệm vụ tham mưu công tác tổ chức, cán bộ (là đảng viên) của tổ chức đó. Chủ tịch làm bí thư đảng đoàn, một phó chủ tịch làm phó bí thư đảng đoàn.

7. Thành viên đảng đoàn liên hiệp các hội văn học nghệ thuật, liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật cấp tỉnh gồm: Chủ tịch, các phó chủ tịch (là đảng viên) và trưởng ban (phòng) có nhiệm vụ tham mưu công tác tổ chức, cán bộ (là đảng viên) của tổ chức đó. Chủ tịch làm bí thư đảng đoàn, một phó chủ tịch làm phó bí thư đảng đoàn.

Điều 5. Nguyên tắc làm việc

Đảng đoàn, ban cán sự đảng cấp tỉnh làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, quyết định theo đa số. Đối với những nội dung công tác quan trọng, vượt thẩm quyền phải xin ý kiến ban thường vụ cấp uỷ cấp tỉnh. Khi các thành viên của đảng đoàn, ban cán sự đảng có ý kiến khác nhau, qua thảo luận không thống nhất (biểu quyết không đạt đa số quá bán) thì báo cáo đầy đủ các ý kiến khác nhau đó với ban thường vụ cấp uỷ.

Điều 6. Chế độ làm việc

1. Đảng đoàn, ban cán sự đảng cấp tỉnh họp định kỳ 1 tháng một lần, họp chuyên đề và đột xuất khi cần; các cuộc họp chỉ được thực hiện khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự. Nội dung các cuộc họp đều phải ghi biên bản, có kết luận và ra nghị quyết để lưu hành, tổ chức thực hiện. Trường hợp cần thiết, đột xuất không tổ chức họp thì được lấy ý kiến thành viên đảng đoàn, ban cán sự đảng bằng văn bản (trừ công tác cán bộ).

2. Bí thư đảng đoàn, ban cán sự đảng cấp tỉnh điều hành công việc chung, phân công nhiệm vụ cho các thành viên; chủ trì các cuộc họp, trực tiếp báo cáo hoặc ký các văn bản của đảng đoàn, ban cán sự đảng với cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ cùng cấp. Khi có yêu cầu đột xuất, nếu bí thư đi vắng hoặc chưa có bí thư thì phó bí thư hoặc một thành viên (nơi không có phó bí thư) được uỷ quyền hoặc được cấp thẩm quyền phân công phụ trách chủ trì cuộc họp và ký văn bản, báo cáo.

3. Phó bí thư hoặc một thành viên (nơi không có phó bí thư) được phân công giải quyết công việc thường xuyên, trực tiếp phụ trách bộ phận giúp việc đảng đoàn, ban cán sự đảng cấp tỉnh; các thành viên khác thực hiện nhiệm vụ theo phân công. Thành viên đảng đoàn, ban cán sự đảng cấp tỉnh phải thực hiện nghiêm chế độ bảo mật và phát ngôn về nội dung cuộc họp đảng đoàn, ban cán sự đảng.

4. Căn cứ nội dung, yêu cầu cuộc họp, đảng đoàn, ban cán sự đảng cấp tỉnh mời đại diện các cơ quan, tổ chức có liên quan dự. Cuộc họp có nội dung về công tác xây dựng Đảng, công tác tổ chức, cán bộ phải mời đại diện các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ cấp tỉnh có liên quan dự.

5. Sau mỗi hội nghị ban chấp hành đảng bộ cấp tỉnh, bí thư đảng đoàn, ban cán sự đảng là uỷ viên ban chấp hành đảng bộ cấp tỉnh (hoặc được mời dự hội nghị ban chấp hành đảng bộ cấp tỉnh) có trách nhiệm truyền đạt nhanh những nội dung cơ bản của hội nghị đến cán bộ chủ chốt trong cơ quan; chỉ đạo thực hiện các nội dung trong nghị quyết liên quan đến cơ quan, tổ chức. Trường hợp bí thư đi vắng hoặc chưa có bí thư thì phó bí thư hoặc một thành viên (nơi không có phó bí thư) được uỷ quyền hoặc được cấp có thẩm quyền phân công phụ trách được mời dự hội nghị ban chấp hành đảng bộ cấp tỉnh có trách nhiệm truyền đạt nhanh các nội dung trong nghị quyết liên quan đến cơ quan, tổ chức.

Điều 7. Giúp việc đảng đoàn, ban cán sự đảng cấp tỉnh

1. Đảng đoàn, ban cán sự đảng cấp tỉnh có bộ phận giúp việc kiêm nhiệm gồm: Trưởng bộ phận giúp việc là chánh văn phòng hoặc trưởng ban (phòng) có nhiệm vụ tham mưu công tác tổ chức, cán bộ và một số cán bộ, công chức của cơ quan, tổ chức đó do đảng đoàn, ban cán sự đảng xem xét, quyết định.

2. Bộ phận giúp việc đảng đoàn, ban cán sự đảng cấp tỉnh có nhiệm vụ: Chủ trì phối hợp, tham mưu, giúp đảng đoàn, ban cán sự đảng chuẩn bị nội dung, ghi biên bản cuộc họp, thực hiện công tác văn thư, lưu trữ. Thực hiện nhiệm vụ tổng hợp thông tin, theo dõi, đôn đốc việc phối hợp giữa đảng đoàn, ban cán sự đảng với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trong thực hiện nhiệm vụ và thực hiện các nhiệm vụ khác do đảng đoàn, ban cán sự đảng giao.

Chương III
QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 8. Quan hệ với ban thường vụ cấp uỷ cấp tỉnh

Đảng đoàn, ban cán sự đảng cấp tỉnh chấp hành sự lãnh đạo, chỉ đạo của ban thường vụ cấp uỷ cấp tỉnh trong việc tổ chức thực hiện chủ trương, quy định

của Đảng và của cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ cấp tỉnh, pháp luật của Nhà nước, điều lệ của từng tổ chức. Tham mưu, đề xuất những chủ trương, giải pháp quan trọng liên quan đến ngành, lĩnh vực được phân công. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định hoặc khi có yêu cầu.

Điều 9. Quan hệ với các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của cấp uỷ cấp tỉnh

1. Đảng đoàn, ban cán sự đảng cấp tỉnh chịu sự hướng dẫn, kiểm tra, giám sát của các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của cấp uỷ cấp tỉnh về triển khai thực hiện chủ trương, quy định của Đảng và của cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ cấp tỉnh, pháp luật của Nhà nước liên quan đến nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng, công tác tổ chức, cán bộ của ngành, cơ quan, tổ chức.

2. Phối hợp tham mưu, đề xuất với cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ cấp tỉnh về chủ trương, chính sách, nghị quyết, chỉ thị trên lĩnh vực được phân công và công tác tổ chức, cán bộ theo quy định phân cấp quản lý.

3. Kịp thời gửi báo cáo và các văn bản có liên quan về các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của cấp uỷ cấp tỉnh.

Điều 10. Quan hệ với các đảng uỷ khối cấp tỉnh

1. Đảng đoàn, ban cán sự đảng phối hợp với các đảng uỷ khối cấp tỉnh trong công tác xây dựng Đảng theo phân công, phân cấp; định kỳ hằng năm hoặc khi cần thì chủ động trao đổi ý kiến với ban thường vụ đảng uỷ khối để kịp thời phối hợp công tác.

2. Phối hợp thực hiện công tác quản lý, kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng theo quy định đối với đảng viên diện ban thường vụ cấp uỷ cấp tỉnh quản lý.

3. Phối hợp tham gia ý kiến với đảng uỷ khối (có liên quan) đối với nhân sự cấp uỷ của đảng bộ (hoặc chi bộ) cơ quan.

Điều 11. Quan hệ với đảng uỷ (hoặc chi bộ) cơ quan

1. Đảng đoàn, ban cán sự đảng cấp tỉnh có trách nhiệm phối hợp với đảng uỷ (hoặc chi bộ) cơ quan trong việc tổ chức học tập, quán triệt chủ trương, quy định của Đảng và của cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ cấp tỉnh; lãnh đạo thực hiện các nghị quyết, quyết định của đảng đoàn, ban cán sự đảng liên quan đến nhiệm vụ chính trị; lãnh đạo kiểm tra và trao đổi ý kiến bằng văn bản đối với những nội dung về công tác cán bộ theo phân cấp quản lý; xây dựng đảng bộ (hoặc chi bộ) cơ quan trong sạch, vững mạnh.

2. Đảng đoàn, ban cán sự đảng kịp thời thông báo với đảng uỷ (hoặc chi bộ) cơ quan những chủ trương, nghị quyết của đảng đoàn, ban cán sự đảng liên quan đến nhiệm vụ của cơ quan để đảng uỷ (hoặc chi bộ) cơ quan góp ý kiến, phối hợp lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện.

3. Định kỳ 6 tháng một lần hoặc khi cần thì đảng đoàn, ban cán sự đảng nghe đại diện đảng uỷ (hoặc chi bộ) cơ quan thông báo việc thực hiện nhiệm vụ, các chế độ, chính sách trong cơ quan để có phương hướng, biện pháp phối hợp giải quyết.

Điều 12. Quan hệ với thủ trưởng (người đứng đầu) và tập thể lãnh đạo cơ quan, Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, liên hiệp các hội văn học nghệ thuật, liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật cấp tỉnh

1. Căn cứ nghị quyết, kết luận của đảng đoàn, ban cán sự đảng, thủ trưởng (người đứng đầu) và tập thể lãnh đạo cơ quan có trách nhiệm lãnh đạo thực hiện theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và điều lệ mỗi tổ chức.

2. Thủ trưởng (người đứng đầu) có trách nhiệm chuẩn bị nội dung để đưa ra thảo luận và quyết nghị trong đảng đoàn, ban cán sự đảng.

Điều 13. Quan hệ giữa các đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng uỷ quân sự, đảng uỷ bộ đội biên phòng, đảng uỷ công an, ban thường vụ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cấp tỉnh

Quan hệ giữa các đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng uỷ quân sự, đảng uỷ biên phòng, đảng uỷ công an, ban thường vụ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cấp tỉnh là quan hệ phối hợp để thực hiện các nhiệm vụ được giao dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của ban thường vụ cấp uỷ cấp tỉnh.

Điều 14. Quan hệ với các quận uỷ, huyện uỷ, thị uỷ, thành uỷ trực thuộc cấp uỷ cấp tỉnh

1. Đảng đoàn, ban cán sự đảng cấp tỉnh phối hợp với các quận uỷ, huyện uỷ, thị uỷ, thành uỷ trực thuộc cấp uỷ cấp tỉnh trong việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng, chấp hành chủ trương, quy định của Đảng, của cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ cấp tỉnh ở các cơ quan, tổ chức thuộc trách nhiệm quản lý hoặc liên quan đến hoạt động của ngành, lĩnh vực hoạt động trên địa bàn.

2. Phối hợp đầy đủ, kịp thời trong công tác tổ chức, cán bộ, đảng viên theo quy định phân cấp quản lý.

3. Khi cần thiết thì đại diện đảng đoàn, ban cán sự đảng cấp tỉnh trao đổi với cấp uỷ địa phương về nhiệm vụ của ngành, lĩnh vực và nghe ý kiến của cấp uỷ địa phương về các vấn đề có liên quan; trường hợp có ý kiến khác nhau thì báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Điều khoản thi hành

1. Ban thường vụ cấp uỷ cấp tỉnh thực hiện nghiêm Quy định này; lập các đảng đoàn, ban cán sự đảng cấp tỉnh và chỉ định thành viên đảng đoàn, ban cán sự đảng theo đúng quy định.

2. Căn cứ Quy định này, đảng đoàn, ban cán sự đảng cấp tỉnh xây dựng và ban hành quy chế làm việc; đảng đoàn hội đồng nhân dân, ban cán sự đảng uỷ ban nhân dân cấp tỉnh trình ban thường vụ cấp uỷ cấp tỉnh ban hành quy chế làm việc.

3. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với Quy định này đều bãi bỏ. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh mới thì ban thường vụ cấp uỷ cấp tỉnh báo cáo về Ban Tổ chức Trung ương để nghiên cứu, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

T/M BAN BÍ THƯ

Lương Cường

Nơi nhận:
- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh,
- Các đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Các đồng chí Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

Ban Bí thư
15-05-2024 18:56:55 +07:00

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG * Số 147-QĐ/TW	ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM *Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
về việc ban hành Quy chế làm việc mẫu của đảng uỷ cấp trên cơ sở trong doanh nghiệp nhà nước

---

- Căn cứ Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khoá XIII;

- Căn cứ Quy định số 87-QĐ/TW, ngày 28/10/2022 của Ban Bí thư quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của đảng uỷ cấp trên cơ sở trong doanh nghiệp nhà nước;

- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế làm việc mẫu của đảng uỷ cấp trên cơ sở trong doanh nghiệp nhà nước.

Điều 2. Ban chấp hành đảng bộ cấp trên cơ sở trong doanh nghiệp nhà nước căn cứ Quy chế làm việc mẫu và các quy định của Trung ương có liên quan để ban hành Quy chế làm việc phù hợp với yêu cầu công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tình hình thực tiễn tại doanh nghiệp.

Điều 3. Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương *(có đảng bộ cấp trên cơ sở trong doanh nghiệp nhà nước trực thuộc)*; các đảng bộ cấp trên cơ sở trong doanh nghiệp nhà nước và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận: - Bộ Chính trị, Ban Bí thư (để báo cáo), - Như Điều 3, - Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.	T/M BAN BÍ THƯ Lương Cường

QUY CHẾ LÀM VIỆC MẪU

của đảng uỷ cấp trên cơ sở trong doanh nghiệp nhà nước

(Kèm theo Quyết định số 147-QĐ/TW, ngày 14/5/2024 của Ban Bí thư)

ĐẢNG BỘ KHỐI DOANH NGHIỆP TW
TỈNH UỶ, THÀNH UỶ.....
ĐẢNG UỶ...(TÊN DOANH NGHIỆP)

*

Số ..... - QC/ĐU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

..., ngày ..... tháng ..... năm .....

QUY CHẾ LÀM VIỆC
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ ...(TÊN DOANH NGHIỆP) NHIỆM KỲ.....

- Căn cứ Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Quy định số 87-QĐ/TW, ngày 28/10/2022 của Ban Bí thư quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của đảng uỷ cấp trên cơ sở trong doanh nghiệp nhà nước;

- Căn cứ Quyết định số 147-QĐ/TW, ngày 14/5/2024 của Ban Bí thư ban hành Quy chế làm việc mẫu của đảng uỷ cấp trên cơ sở trong doanh nghiệp nhà nước;

- Căn cứ Quyết định số ..., ngày .../.../... của tỉnh uỷ, thành uỷ ...(hoặc của Đảng uỷ Khối Doanh nghiệp Trung ương) về việc chuẩn y ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư đảng uỷ (tên doanh nghiệp) khoá ..., nhiệm kỳ ...,

Ban chấp hành đảng bộ...(tên doanh nghiệp) khoá ..., nhiệm kỳ ... quyết định ban hành Quy chế làm việc của ban chấp hành đảng bộ (tên doanh nghiệp) như sau:

Chương I
NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ, BAN THƯỜNG VỤ, THƯỜNG TRỰC ĐẢNG UỶ

Điều 1. Nhiệm vụ, quyền hạn của ban chấp hành đảng bộ

Ban chấp hành đảng bộ ... (gọi tắt là đảng uỷ) là cơ quan lãnh đạo giữa hai kỳ đại hội, thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của đảng uỷ cấp trên cơ sở trong doanh nghiệp nhà nước theo Quy định số 87-QĐ/TW, ngày 28/10/2022 của Ban Bí thư, có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Lãnh đạo, chỉ đạo việc phổ biến, quán triệt, tổ chức thực hiện và sơ kết, tổng kết các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương và cấp uỷ cấp trên; nghị quyết đại hội đảng bộ và các nghị quyết của đảng uỷ.

2. Quyết định chương trình làm việc, chương trình kiểm tra, giám sát toàn khoá, hằng năm của đảng uỷ; quy chế làm việc của đảng uỷ và quy chế làm việc của uỷ ban kiểm tra đảng uỷ. Ban hành quy chế về mối quan hệ lãnh đạo giữa đảng uỷ với hội đồng thành viên/hội đồng quản trị và tổng giám đốc.

3. Định hướng, cho ý kiến hoặc quyết định theo thẩm quyền những vấn đề về xây dựng Đảng, xây dựng doanh nghiệp, công tác tổ chức, cán bộ, công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng theo quy định *(Ban hành nghị quyết, kết luận của đảng uỷ để hội đồng thành viên/hội đồng quản trị, tổng giám đốc, các cấp uỷ, tổ chức đảng, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị trực thuộc, cán bộ, đảng viên trong doanh nghiệp triển khai thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, bảo đảm vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với doanh nghiệp).*

- Lãnh đạo công tác chính trị, tư tưởng, học tập, bồi dưỡng lý luận chính trị; đấu tranh với các quan điểm sai trái, thù địch, những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ; bảo vệ nền tảng tư tưởng, đường lối, chủ trương của Đảng.

- Lãnh đạo thực hiện các nguyên tắc tổ chức của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ; quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý và người đứng đầu các cấp.

- Lãnh đạo việc cụ thể hoá các nghị quyết, chiến lược, quy định của Đảng về công tác tổ chức, cán bộ trong doanh nghiệp; bảo đảm thực hiện đúng nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị trong doanh nghiệp.

- Quyết định thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể các cơ quan tham mưu, giúp việc, các tổ chức đảng trực thuộc đảng uỷ theo quy định. Đề xuất với cấp trên những nội dung về tổ chức, cán bộ, đảng viên trong doanh nghiệp thuộc thẩm quyền của cấp trên.

- Căn cứ chỉ thị, quy định, hướng dẫn của cấp trên, ban hành kế hoạch tổ chức đại hội đảng các cấp tiến tới đại hội đảng bộ ...(tên doanh nghiệp); chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập đại hội đảng bộ, hội nghị đại biểu (nếu có); thông qua dự thảo các văn kiện trình đại hội, hội nghị đại biểu; chuẩn bị và giới thiệu nhân sự bầu đảng uỷ, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, uỷ ban kiểm tra, chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra đảng uỷ khoá mới theo quy định của Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn của Trung ương.

- Căn cứ quy định, hướng dẫn, ý kiến của cấp uỷ cấp trên, thảo luận, quyết định số lượng uỷ viên ban thường vụ, uỷ viên uỷ ban kiểm tra; bầu ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, uỷ ban kiểm tra, chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra đảng uỷ.

- Thực hiện chất vấn và trả lời chất vấn theo quy định của Đảng; lấy phiếu tín nhiệm đối với các chức danh uỷ viên ban thường vụ, bí thư, phó bí thư đảng uỷ theo quy định. Xem xét báo cáo kết quả kiểm điểm, tự phê bình và phê bình hằng năm của ban thường vụ đảng uỷ; tự đánh giá, xếp loại chất lượng đảng bộ mình.

- Lãnh đạo xây dựng, củng cố, nâng cao chất lượng tổ chức đảng, đảng viên, công tác bảo vệ chính trị nội bộ, công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo quy định.

- Lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát đối với tổ chức đảng, đảng viên. Quyết định hoặc đề nghị kỷ luật; giải quyết khiếu nại kỷ luật đối với tổ chức đảng, đảng viên; vấn đề đảng tịch theo quy định.

- Lãnh đạo công tác dân vận, chấp hành Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động trong đơn vị. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác phối hợp về tổ chức và hoạt động của hội đồng thành viên/hội đồng quản trị, tổng giám đốc với các tổ chức chính trị - xã hội theo đúng quy định. Lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong doanh nghiệp phát huy vai trò, tích cực tham gia công tác giám sát, phản biện xã hội, xây dựng Đảng, xây dựng đơn vị.

4. Lãnh đạo doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ chính trị theo chức năng, nhiệm vụ; cho ý kiến đối với những vấn đề đặc biệt quan trọng của doanh nghiệp.

- Ban hành nghị quyết hoặc kết luận về quan điểm, nguyên tắc, mục tiêu, chỉ tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu trong chiến lược phát triển dài hạn, trung hạn, kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm của doanh nghiệp; đề án sắp xếp, đổi mới và cơ cấu lại doanh nghiệp; cổ phần hoá, thoái vốn đầu tư của Nhà nước tại doanh nghiệp; đổi mới khoa học, công nghệ; phát triển nguồn nhân lực; chế độ, chính sách đối với người lao động; bảo vệ môi trường và các nhiệm vụ đối với Nhà nước.

- Định hướng đối với các đề án, dự án đặc biệt quan trọng của doanh nghiệp.

- Xem xét, cho ý kiến về báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý, 6 tháng, hằng năm của doanh nghiệp.

5. Xem xét, cho ý kiến về những công việc ban thường vụ đảng uỷ đã giải quyết giữa hai kỳ hội nghị của đảng uỷ; báo cáo của ban thường vụ, uỷ ban kiểm tra đảng uỷ về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng.

6. Ngoài những nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Quy chế này, đảng uỷ thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn khác được quy định tại các văn bản của Đảng, Nhà nước, cấp uỷ cấp trên và của đảng uỷ.

7. Chịu trách nhiệm trước cấp uỷ cấp trên, trước đảng bộ về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn của ban thường vụ đảng uỷ

Ban thường vụ đảng uỷ ... (tên doanh nghiệp) có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Quyết định triệu tập hội nghị đảng uỷ; chỉ đạo chuẩn bị toàn bộ nội dung báo cáo, đề án, dự thảo nghị quyết, kết luận... trình hội nghị đảng uỷ.

2. Lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức quán triệt, tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết đại hội đảng bộ, nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương, cấp uỷ cấp trên và của đảng uỷ; định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện.

3. Lãnh đạo cụ thể hoá, tổ chức thực hiện chủ trương, nghị quyết, quy định về công tác xây dựng Đảng, xây dựng doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội và công tác tổ chức, cán bộ trong doanh nghiệp

- Lãnh đạo, chỉ đạo công tác chính trị, tư tưởng; bảo vệ quan điểm, đường lối, nền tảng tư tưởng của Đảng; thực hiện các quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý; xây dựng, củng cố, nâng cao chất lượng tổ chức đảng và đảng viên; chất lượng sinh hoạt đảng; tự phê bình và phê bình, gợi ý kiểm điểm và chỉ đạo việc kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tập thể, cá nhân; thực hiện công tác bảo vệ chính trị nội bộ, công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng, công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo quy định; lãnh đạo, thực hiện công tác kết nạp đảng viên, công nhận đảng viên chính thức.

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác dân vận và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; định hướng nội dung quan trọng, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội. Lãnh đạo, chỉ đạo việc chuẩn bị nội dung và tổ chức đại hội của các tổ chức chính trị - xã hội; cho ý kiến phương án nhân sự và giới thiệu nhân sự các chức danh lãnh đạo thuộc diện ban thường vụ đảng uỷ quản lý để các tổ chức chính trị - xã hội, các đoàn thể xã hội - nghề nghiệp bầu theo quy định.

- Căn cứ quy định, hướng dẫn của cấp trên, cụ thể hoá, ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của các cơ quan tham mưu, giúp việc của đảng uỷ.

- Lãnh đạo, chỉ đạo việc sắp xếp, đổi mới, cơ cấu lại, kiện toàn tổ chức bộ máy doanh nghiệp. Cho chủ trương thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể các đơn vị thành viên, chi nhánh, đơn vị, tổ chức trực thuộc doanh nghiệp, hội đồng thành viên/hội đồng quản trị, tổng giám đốc; quản lý biên chế, chính sách đối với cán bộ và người lao động trong doanh nghiệp.

- Ban hành quy chế, quy định cụ thể hoá và tổ chức thực hiện các quy định về: Phân cấp quản lý cán bộ; đánh giá cán bộ; quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; quy định, quy trình tuyển chọn, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái, cách chức, cho thôi giữ chức vụ, tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức,

miễn nhiệm đối với cán bộ; khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ; thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ; kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ; giải quyết khiếu nại, tố cáo về công tác cán bộ và cán bộ trong doanh nghiệp.

- Quyết định phân công công tác đối với uỷ viên ban chấp hành đảng bộ, uỷ viên ban thường vụ đảng uỷ và bố trí cán bộ chuyên trách công tác đảng; quyết định chương trình, kế hoạch công tác của ban thường vụ đảng uỷ. Cho ý kiến về nội dung văn kiện, phê duyệt phương án nhân sự và chỉ đạo tổ chức đại hội các tổ chức đảng trực thuộc. Chuẩn y kết quả bầu cử hoặc chỉ định cấp uỷ và các chức danh lãnh đạo của cấp uỷ trực thuộc; chuẩn y uỷ ban kiểm tra, chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra cấp uỷ trực thuộc.

- Quyết định đánh giá, nhận xét, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu cán bộ ứng cử, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật cán bộ và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ của doanh nghiệp theo phân cấp quản lý *(đảng uỷ cụ thể hoá danh mục chức danh cán bộ diện ban thường vụ quản lý trong quy định phân cấp quản lý cán bộ)*.

- Lãnh đạo, chỉ đạo lấy phiếu tín nhiệm đối với các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp theo quy định.

- Cho ý kiến việc khen thưởng tổ chức, cá nhân trong doanh nghiệp khi đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước, việc nhận huân chương, huy chương, danh hiệu... do nước ngoài, tổ chức quốc tế tặng theo quy định của Đảng và Nhà nước. Quyết định khen thưởng tổ chức đảng, đảng viên theo quy định.

- Đề xuất với cấp trên những nội dung về tổ chức, cán bộ, đảng viên trong doanh nghiệp thuộc thẩm quyền của cấp trên.

4. Lãnh đạo doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ chính trị theo chức năng, nhiệm vụ; cho ý kiến đối với những vấn đề quan trọng của doanh nghiệp trước khi hội đồng thành viên/hội đồng quản trị, tổng giám đốc thực hiện theo thẩm quyền.

- Lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng, tổ chức thực hiện chiến lược phát triển dài hạn, trung hạn, kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm của doanh nghiệp; đề án sắp xếp, đổi mới và cơ cấu lại doanh nghiệp; cổ phần hoá, thoái vốn đầu tư của Nhà nước tại doanh nghiệp; đổi mới khoa học, công nghệ; phát triển nguồn nhân lực; chế độ, chính sách đối với người lao động; bảo vệ môi trường và các nhiệm vụ đối với Nhà nước.

- Lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể hoá chủ trương của Đảng và Chính phủ trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của doanh nghiệp. Ban hành kết luận hoặc cho chủ trương, định hướng về đề án, dự án lớn và những vấn đề quan trọng, nhạy cảm trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của doanh nghiệp *(đảng uỷ cụ thể hoá cho phù hợp)*.

- Định hướng, cho ý kiến hoặc quyết định những chủ trương về biện pháp triển khai, tổ chức thực hiện những vấn đề lớn, các cơ chế, chính sách, chương trình, đề án, dự án quan trọng về đầu tư, xây dựng, nghiên cứu, khảo sát, phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đối ngoại... của doanh nghiệp theo phân cấp (bao gồm cả những điều chỉnh, thay đổi lớn, quan trọng so với nội dung đã thông qua); thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

- Khi cần thiết hoặc theo đề nghị của hội đồng thành viên/hội đồng quản trị, tổng giám đốc, ban thường vụ xem xét, cho ý kiến và định hướng về thực hiện nhiệm vụ quan trọng của doanh nghiệp.

- Lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức đảng trực thuộc, cán bộ, đảng viên, người lao động chấp hành chủ trương, nghị quyết, kết luận của đảng uỷ, ban thường vụ đảng uỷ; thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

5. Quyết định hoặc cho chủ trương, định hướng, biện pháp thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, đối ngoại của doanh nghiệp. Lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết kịp thời, hiệu quả những vấn đề phức tạp ở doanh nghiệp, nhất là tình huống đột xuất liên quan đến an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội...

6. Chỉ đạo, thực hiện công tác quản lý, sử dụng tài chính đảng đúng quy định.

7. Báo cáo đảng uỷ kết quả giải quyết các công việc giữa hai kỳ hội nghị của đảng uỷ trong phiên họp gần nhất hoặc theo yêu cầu của đảng uỷ.

8. Quyết định những vấn đề quan trọng khác do cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc đề nghị.

9. Ngoài những nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Quy chế này, ban thường vụ đảng uỷ thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn khác quy định tại các văn bản của Đảng, Nhà nước và của đảng uỷ.

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn của thường trực đảng uỷ

Thường trực đảng uỷ gồm bí thư và các phó bí thư, có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Giúp ban thường vụ chỉ đạo việc chuẩn bị và tổ chức thực hiện quy chế làm việc, chương trình làm việc toàn khoá của đảng uỷ; xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình làm việc hằng năm, 6 tháng, hằng quý, hằng tháng của ban thường vụ và chương trình kiểm tra, giám sát hằng năm của đảng uỷ; quyết định triệu tập hội nghị ban thường vụ đảng uỷ; chỉ đạo, kiểm tra việc chuẩn bị các nội dung (báo cáo, đề án, phương án, dự thảo nghị quyết, kết luận...) trình hội nghị ban thường vụ quyết định; chỉ đạo việc chuẩn bị nội dung làm việc với lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước đến thăm và làm việc tại đơn vị hoặc khi cấp trên yêu cầu đảng uỷ báo cáo, làm việc.

2. Chỉ đạo phối hợp hoạt động giữa các cơ quan tham mưu, giúp việc của đảng uỷ, các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc, các tổ chức chính trị - xã hội và

các cơ quan liên quan trong việc quán triệt, cụ thể hoá và tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị của đảng uỷ, ban thường vụ đảng uỷ và của cấp trên.

3. Chỉ đạo giải quyết công việc hằng ngày của đảng bộ, những vấn đề đột xuất nảy sinh giữa hai kỳ họp của ban thường vụ đảng uỷ. Báo cáo kết quả giải quyết cho ban thường vụ đảng uỷ tại phiên họp gần nhất.

Chương II
NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA UỶ VIÊN BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ, UỶ VIÊN BAN THƯỜNG VỤ, BÍ THƯ, PHÓ BÍ THƯ ĐẢNG UỶ

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của uỷ viên ban chấp hành đảng bộ

1. Chịu trách nhiệm trước đảng uỷ về sự lãnh đạo, chỉ đạo của đảng uỷ trong lĩnh vực, đơn vị được phân công phụ trách và các nhiệm vụ khác được giao.

2. Chủ động đề xuất ý kiến với đảng uỷ, ban thường vụ, thường trực đảng uỷ về chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp và chương trình hoạt động của đảng uỷ, ban thường vụ và thường trực đảng uỷ có liên quan đến lĩnh vực, đơn vị được phân công phụ trách. Thường xuyên nắm tình hình, chủ động phát hiện, giải quyết kịp thời những vấn đề thuộc thẩm quyền hoặc báo cáo kịp thời với ban thường vụ, thường trực đảng uỷ các vấn đề đột xuất, phức tạp vượt thẩm quyền.

3. Nghiêm chỉnh chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Giữ gìn sự thống nhất ý chí, hành động và đoàn kết trong Đảng; không nói trái, làm trái chủ trương, nghị quyết của Trung ương, của cấp trên và của đảng uỷ; kiên quyết đấu tranh, phản bác thông tin, quan điểm sai trái, thù địch; bảo vệ nền tảng tư tưởng, đường lối của Đảng.

Cùng với cấp uỷ, tổ chức đảng nơi công tác tham gia lãnh đạo việc nghiên cứu, quán triệt, chỉ đạo thực hiện và kiểm tra việc thực hiện chủ trương, nghị quyết của Trung ương, của cấp trên và của đảng uỷ; công tác xây dựng Đảng, xây dựng đơn vị, công tác bảo vệ chính trị nội bộ ở cơ quan, đơn vị được phân công phụ trách. Tích cực góp phần xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh ở đơn vị mình sinh hoạt, công tác.

4. Gương mẫu học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; các quy định của Đảng về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên. Thường xuyên tự soi mình và đề ra giải pháp khắc phục các biểu hiện suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá". Có lối sống gương mẫu, trong sạch, lành mạnh; xây dựng gia đình văn hoá; không để gia đình lợi dụng làm những việc trái quy định của Đảng, pháp luật và chính sách của Nhà nước, làm ảnh hưởng đến uy tín của Đảng. Giữ mối liên hệ mật thiết với Nhân dân.

5. Nghiêm chỉnh chấp hành sự phân công và điều động của cấp có thẩm quyền; có quyền trình bày ý kiến khi các cơ quan có thẩm quyền nhận xét, đánh giá, quyết định bố trí công tác, thi hành kỷ luật đối với mình.

6. Tham gia, đóng góp ý kiến về công tác cán bộ theo phân công; triển khai các biện pháp phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tiêu cực và thực hành tiết kiệm tại đơn vị được phân công trực tiếp phụ trách; chịu trách nhiệm người đứng đầu đối với những sai phạm của tổ chức và cán bộ dưới quyền quản lý trực tiếp.

7. Nghiêm túc thực hiện tự phê bình và phê bình, kiểm điểm trách nhiệm nêu gương theo quy định của Đảng. Hằng năm tự phê bình về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, phong cách công tác, ý thức tổ chức kỷ luật và thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao. Lắng nghe, cầu thị tiếp thu ý kiến góp ý, nhất là các hạn chế, khuyết điểm của mình hoặc liên quan đến mình. Có biện pháp phát huy ưu điểm, khắc phục những hạn chế, khuyết điểm đã được chỉ ra trong kỳ kiểm điểm định kỳ hằng năm, khuyết điểm do cấp có thẩm quyền kết luận. Thực hiện phê bình, chất vấn về hoạt động của đảng uỷ, ban thường vụ, thường trực đảng uỷ và các thành viên khác theo quy định. Tiếp thu, giải trình và trả lời rõ ràng về các nội dung được phê bình, chất vấn.

8. Tích cực, tự giác học tập, cập nhật thông tin, kiến thức mới; được bồi dưỡng, nâng cao trình độ về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ và năng lực hoạt động thực tiễn.

9. Tham dự đầy đủ hội nghị của đảng uỷ; tích cực thảo luận, góp ý kiến cho các nghị quyết, quyết định, văn bản của đảng uỷ và cùng đảng uỷ chịu trách nhiệm trong việc lãnh đạo thực hiện. Phối hợp chuẩn bị nội dung trình đảng uỷ, ban thường vụ đảng uỷ thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách.

10. Có quyền bầu cử, ứng cử, đề cử, xin rút khỏi danh sách đề cử theo quy định của Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn bầu cử trong Đảng.

11. Được cung cấp và yêu cầu ban thường vụ đảng uỷ cung cấp những thông tin cần thiết, kịp thời về hoạt động của đảng uỷ, đơn vị; về tình hình trong nước và quốc tế để thực hiện nhiệm vụ.

12. Khi ra nước ngoài về việc riêng (du lịch, thăm thân, khám, chữa bệnh...) phải báo cáo bằng văn bản và được sự đồng ý của ban thường vụ đảng uỷ và thực hiện đúng các quy định của Đảng và Nhà nước.

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của uỷ viên ban thường vụ

Ngoài nhiệm vụ, quyền hạn được quy định đối với uỷ viên ban chấp hành đảng bộ, uỷ viên ban thường vụ đảng uỷ có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Chỉ đạo việc chuẩn bị các nghị quyết, quyết định, văn bản của đảng uỷ, ban thường vụ đảng uỷ thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách và các nội dung theo phân công của ban thường vụ đảng uỷ. Tham gia đầy đủ các phiên họp của ban thường vụ đảng uỷ; tích cực thảo luận, đóng góp ý kiến những vấn

đề thuộc thẩm quyền quyết định của ban thường vụ đảng uỷ và cùng tập thể ban thường vụ chịu trách nhiệm về những quyết định của ban thường vụ.

2. Trực tiếp giải quyết hoặc chỉ đạo các cơ quan liên quan phối hợp giải quyết công việc và những kiến nghị của tập thể, cá nhân thuộc lĩnh vực, phạm vi được phân công phụ trách. Đối với những vấn đề liên quan đến lĩnh vực khác thì chủ động trao đổi với đồng chí uỷ viên ban thường vụ đảng uỷ có liên quan hoặc báo cáo đồng chí phó bí thư, bí thư đảng uỷ xem xét, cho ý kiến.

3. Chỉ đạo thực hiện và kiểm tra việc thực hiện nghị quyết, quyết định, kết luận của đảng uỷ, ban thường vụ đảng uỷ trong lĩnh vực được phân công phụ trách. Phối hợp trong việc sắp xếp, bố trí cán bộ lãnh đạo trong lĩnh vực được phân công phụ trách.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của bí thư đảng uỷ đồng thời là chủ tịch hội đồng thành viên/hội đồng quản trị

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của bí thư đảng uỷ

Bí thư đảng uỷ là người đứng đầu ban chấp hành đảng bộ, cùng đảng uỷ, ban thường vụ và thường trực đảng uỷ chịu trách nhiệm trước đảng bộ và cấp uỷ cấp trên về toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp; chịu trách nhiệm trực tiếp về những công việc được phân công; ngoài nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 4, Điều 5 Quy chế này, bí thư đảng uỷ có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

- Chủ trì, điều hành, kết luận cuộc họp đảng uỷ, ban thường vụ, thường trực đảng uỷ; chủ động đề xuất, trao đổi trong thường trực đảng uỷ những vấn đề lớn, quan trọng; chủ trương, giải pháp nhằm cải tiến, đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp uỷ để đưa ra ban thường vụ đảng uỷ thảo luận, quyết định. Duy trì nền nếp sinh hoạt của ban chấp hành, ban thường vụ và thường trực đảng uỷ theo đúng quy chế làm việc, đúng nguyên tắc lãnh đạo của Đảng. Giữ vững đoàn kết, thống nhất trong nội bộ cấp uỷ và trong đảng bộ.

- Chỉ đạo, tổ chức quán triệt nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Chính phủ và các cơ quan quản lý cấp trên; chỉ đạo và định hướng chuẩn bị những đề án quan trọng để trình hội nghị đảng uỷ, ban thường vụ đảng uỷ thảo luận, quyết định.

- Tập trung chỉ đạo kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong từng thời kỳ, các khâu và lĩnh vực công tác khó khăn, phức tạp; trực tiếp nắm và chỉ đạo những vấn đề cơ mật về quốc phòng, an ninh, đối ngoại, về công tác bảo vệ Đảng; chỉ đạo công tác xây dựng Đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt của doanh nghiệp theo quy định; chịu trách nhiệm về công tác chính trị, tư tưởng, công tác tổ chức, cán bộ, bảo vệ chính trị nội bộ và công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo quy định.

- Chỉ đạo sơ kết, tổng kết theo định kỳ việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương và cấp trên; chỉ đạo tổng kết các mặt công tác quan trọng của đảng bộ. Khi cần thiết trực tiếp báo cáo với cấp trên về tình hình hoạt động của đảng bộ, doanh nghiệp và chịu trách nhiệm cá nhân về những nội dung báo cáo đó.

- Chỉ đạo đồng chí phó bí thư thường trực đảng uỷ giải quyết công việc hằng ngày của đảng bộ; chỉ đạo đồng chí phó bí thư và các đồng chí uỷ viên ban thường vụ tổ chức thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng và của đảng uỷ có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị; khi cần thiết, được yêu cầu các cơ quan, tổ chức đảng trực thuộc, các cán bộ, đảng viên báo cáo về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của chủ tịch hội đồng thành viên/hội đồng quản trị

- Chịu trách nhiệm của người đứng đầu trước đảng uỷ, ban thường vụ đảng uỷ về toàn bộ hoạt động thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Triển khai đầy đủ, nghiêm túc chủ trương, nghị quyết, kết luận của đảng uỷ, ban thường vụ đảng uỷ về nhiệm vụ chính trị và công tác tổ chức, cán bộ trong doanh nghiệp.

- Chỉ đạo quán triệt, cụ thể hoá và tổ chức thực hiện chủ trương của Đảng, đảng uỷ, ban thường vụ đảng uỷ, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến cán bộ, đảng viên và người lao động; xây dựng chương trình, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch dài hạn, trung hạn và hằng năm; đề án cụ thể về đầu tư, xây dựng, nghiên cứu, khảo sát, phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đối ngoại, quốc phòng, an ninh... và những vấn đề quan trọng khác để đưa ra hội nghị đảng uỷ, ban thường vụ đảng uỷ thảo luận, quyết định theo quy chế và chương trình làm việc.

- Chịu trách nhiệm trước đảng uỷ, ban thường vụ, thường trực đảng uỷ về triển khai, tổ chức thực hiện công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; công tác giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo; công tác cải cách hành chính, công tác thi đua - khen thưởng; công tác dân vận của chính quyền và công tác đối ngoại của doanh nghiệp; chỉ đạo thực hiện chế độ báo cáo về tình hình thực hiện công tác chuyên môn của doanh nghiệp và các công tác chỉ đạo, điều hành chủ yếu của hội đồng thành viên/hội đồng quản trị với ban thường vụ và đảng uỷ theo định kỳ hoặc khi có yêu cầu.

- Chủ động đề xuất những vấn đề thuộc trách nhiệm và phạm vi công tác của hội đồng thành viên/hội đồng quản trị cần báo cáo, xin ý kiến ban thường vụ hoặc đảng uỷ; thường xuyên hội ý, trao đổi với thường trực đảng uỷ để bảo đảm sự thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ đối với hội đồng thành viên (hội đồng quản trị), tổng giám đốc.

- Thay mặt đảng uỷ, ban thường vụ đảng uỷ ký nghị quyết, văn bản của đảng uỷ và ban thường vụ đảng uỷ.

(Nơi không có chủ tịch hội đồng thành viên/hội đồng quản trị thì bí thư đảng uỷ đồng thời là tổng giám đốc; có nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 6 và Khoản 2, Điều 7 Quy chế này.)

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của phó bí thư đảng uỷ

Phó bí thư đảng uỷ cùng bí thư đảng uỷ chịu trách nhiệm về toàn bộ công việc và hoạt động của thường trực đảng uỷ; đồng thời chịu trách nhiệm trực tiếp về những công việc được phân công.

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của phó bí thư thường trực chuyên trách công tác đảng

- Chỉ đạo việc chuẩn bị, thẩm định dự thảo quy chế làm việc, chương trình làm việc toàn khoá của đảng uỷ; chương trình công tác năm, 6 tháng, hằng quý, hằng tháng của ban thường vụ đảng uỷ; chương trình kiểm tra, giám sát hằng năm của đảng uỷ; chỉ đạo việc tổ chức thực hiện quy chế, các chương trình công tác đã đề ra; chỉ đạo việc chuẩn bị chương trình và nội dung hội nghị của đảng uỷ, ban thường vụ đảng uỷ và cuộc họp của thường trực đảng uỷ.

- Chịu trách nhiệm trước đảng uỷ, ban thường vụ, thường trực đảng uỷ và đồng chí bí thư đảng uỷ điều hành hoạt động các cơ quan tham mưu, giúp việc của đảng uỷ để giải quyết những công việc hằng ngày của đảng bộ. Thay mặt bí thư hoặc trực tiếp giải quyết công việc thuộc thẩm quyền của bí thư khi bí thư đảng uỷ uỷ quyền.

- Trực tiếp chỉ đạo hoạt động của các cơ quan tham mưu, giúp việc của đảng uỷ; chỉ đạo sự phối hợp công tác giữa cơ quan tham mưu, giúp việc của đảng uỷ, các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc, các tổ chức chính trị - xã hội và cơ quan liên quan để tổ chức thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng và của đảng uỷ. Chủ trì cùng với các đồng chí uỷ viên ban thường vụ phụ trách lĩnh vực xây dựng Đảng xử lý những việc cần có sự phối hợp của nhiều cơ quan hoặc những việc do các đồng chí uỷ viên ban thường vụ đảng uỷ phụ trách lĩnh vực đề nghị.

- Chỉ đạo xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh. Tập trung củng cố, kiện toàn, phát triển tổ chức cơ sở đảng; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Chỉ đạo các cơ quan tham mưu, giúp việc của đảng uỷ đề xuất về công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên theo quy định của Điều lệ Đảng và quy định, hướng dẫn của Trung ương. Chỉ đạo nghiên cứu, sơ kết, tổng kết, nhân rộng những điển hình tiên tiến về tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh.

- Trực tiếp chỉ đạo các cơ quan tham mưu, giúp việc của đảng uỷ, các cấp uỷ trực thuộc và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện nhiệm vụ xây dựng các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở, chấp hành Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở; thường xuyên trao đổi và phối hợp với thủ trưởng, lãnh đạo đơn vị để chỉ đạo xây dựng cơ quan, đơn vị trực thuộc trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả.

- Chịu trách nhiệm trước đảng uỷ, ban thường vụ, thường trực đảng uỷ và đồng chí bí thư đảng uỷ trong việc chỉ đạo một số nhiệm vụ cụ thể do ban thường vụ đảng uỷ phân công. Đề xuất với tập thể thường trực, ban thường vụ và đảng uỷ những vấn đề cần quan tâm giải quyết thuộc lĩnh vực, nhiệm vụ được phân công phụ trách; thay mặt đảng uỷ, ban thường vụ đảng uỷ ký văn bản của đảng uỷ, ban thường vụ theo phân công.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của đảng uỷ, ban thường vụ đảng uỷ và bí thư đảng uỷ.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của phó bí thư đồng thời là tổng giám đốc

- Thực hiện công việc do ban thường vụ, thường trực và bí thư đảng uỷ phân công. Triển khai đầy đủ, nghiêm túc chủ trương, nghị quyết, kết luận của đảng uỷ, ban thường vụ đảng uỷ về nhiệm vụ chính trị và công tác tổ chức, cán bộ trong doanh nghiệp.

- Phối hợp với phó bí thư thường trực đảng uỷ chỉ đạo việc chuẩn bị chương trình và nội dung hội nghị của đảng uỷ, ban thường vụ đảng uỷ và cuộc họp thường trực đảng uỷ theo lĩnh vực được phân công.

- Đề xuất với ban thường vụ và đảng uỷ những vấn đề cần quan tâm giải quyết thuộc lĩnh vực, nhiệm vụ được phân công phụ trách.

- Chịu trách nhiệm của người đứng đầu ban điều hành trước đảng uỷ, ban thường vụ đảng uỷ về toàn bộ hoạt động thực hiện nhiệm vụ điều hành chuyên môn, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Chỉ đạo tổ chức thực hiện chủ trương của Đảng, cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ, hội đồng thành viên/hội đồng quản trị, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến cán bộ, đảng viên và người lao động; tham mưu xây dựng chương trình, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch dài hạn, trung hạn và hằng năm; đề án cụ thể về đầu tư, xây dựng, nghiên cứu, khảo sát, phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đối ngoại, quốc phòng, an ninh... và những vấn đề quan trọng khác để hội đồng thành viên/hội đồng quản trị trình hội nghị đảng uỷ, ban thường vụ đảng uỷ thảo luận, quyết định theo quy chế và chương trình làm việc.

- Thực hiện chế độ báo cáo về tình hình thực hiện công tác chuyên môn của đơn vị và các công việc chỉ đạo, công tác điều hành của tổng giám đốc với ban thường vụ và đảng uỷ theo định kỳ hoặc khi có yêu cầu.

- Chủ động đề xuất những vấn đề thuộc trách nhiệm và phạm vi công tác của tổng giám đốc cần báo cáo, xin ý kiến ban thường vụ hoặc đảng uỷ; thường xuyên hội ý, trao đổi với thường trực đảng uỷ để bảo đảm sự thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ đối với hội đồng thành viên (hội đồng quản trị), tổng giám đốc.

- Thay mặt ban thường vụ đảng uỷ ký một số văn bản theo sự phân công của bí thư đảng uỷ.

(Nơi không có chủ tịch hội đồng thành viên/hội đồng quản trị, bí thư đảng uỷ đồng thời là tổng giám đốc thì được bố trí một phó bí thư đồng thời là phó tổng giám đốc hoặc thành viên hội đồng thành viên/hội đồng quản trị sau khi có ý kiến chấp thuận của cấp uỷ cấp trên).

Chương III
NGUYÊN TẮC, CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

Điều 8. Nguyên tắc làm việc

1. Đảng uỷ, ban thường vụ đảng uỷ làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; thiểu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, cá nhân phục tùng tổ chức; chấp hành nghiêm Cương lĩnh, Điều lệ Đảng, nghị quyết, quy định của Trung ương, của cấp trên và nghị quyết đại hội đảng bộ (tên doanh nghiệp).

Nghị quyết, quyết định của đảng uỷ, ban thường vụ đảng uỷ phải có hơn một nửa số thành viên đương nhiệm tán thành.

Trong trường hợp nội dung vấn đề phải giải quyết không phức tạp hoặc không có điều kiện tổ chức họp ban thường vụ thì thường trực đảng uỷ chỉ đạo văn phòng đảng uỷ gửi văn bản xin ý kiến thành viên ban thường vụ đảng uỷ (trừ công tác cán bộ, kỷ luật đảng), khi có hơn một nửa thành viên ban thường vụ tán thành thì ý kiến quá bán đó coi như nghị quyết của cuộc họp; trường hợp, tuy đã có hơn một nửa thành viên tán thành nhưng còn có ý kiến khác nhau về những vấn đề quan trọng thì cần đưa ra hội nghị ban thường vụ thảo luận, tạo sự thống nhất trước khi quyết định.

2. Cá nhân được quyền phát biểu và bảo lưu ý kiến của mình nhưng phải chấp hành nghị quyết của tập thể cấp uỷ. Ý kiến bảo lưu có thể được phản ánh lên cấp trên nhưng không được tuyên truyền, phổ biến ra bên ngoài.

3. Bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, thống nhất của đảng uỷ, ban thường vụ đảng uỷ; phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị; nêu cao tính chủ động, sáng tạo, tự chịu trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân, nhất là người đứng đầu. Thực hiện phân cấp, phân quyền gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát.

Điều 9. Thực hiện chương trình công tác

1. Đảng uỷ, ban thường vụ, thường trực đảng uỷ làm việc theo chương trình, kế hoạch công tác đã được tập thể thông qua; theo chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, của cấp trên hoặc khi có yêu cầu đột xuất.

Đảng uỷ có chương trình công tác toàn khoá và hằng năm. Ban thường vụ đảng uỷ làm việc theo chương trình công tác toàn khoá, hằng năm, 6 tháng, hằng quý, hằng tháng (có điều chỉnh khi cần).

2. Văn phòng đảng uỷ phối hợp với các cơ quan tham mưu, giúp việc của đảng uỷ, các cơ quan chuyên môn của đơn vị và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu xây dựng chương trình làm việc của đảng uỷ, ban thường vụ, thường trực đảng uỷ trong từng thời gian cụ thể.

3. Uỷ viên ban chấp hành, uỷ viên ban thường vụ, thường trực đảng uỷ chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch công tác của mình theo chương trình công tác của đảng uỷ, ban thường vụ đảng uỷ.

- (Đối với các doanh nghiệp trực thuộc Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước có tổ chức đảng là đảng bộ cấp trên cơ sở thì bổ sung chế độ làm việc với Đảng uỷ Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước khi có yêu cầu).

Điều 10. Chế độ làm việc của đảng uỷ, ban thường vụ, thường trực đảng uỷ

1. Đảng uỷ họp định kỳ ba tháng một lần hoặc đột xuất khi cần. Ban thường vụ đảng uỷ họp định kỳ mỗi tháng một lần hoặc đột xuất khi cần. Hội nghị đảng uỷ, ban thường vụ đảng uỷ phải có ít nhất 2/3 số thành viên được triệu tập tham dự.

- Thường trực đảng uỷ họp định kỳ 2 tuần 1 lần và họp đột xuất khi cần để kịp thời giải quyết công việc.

- Các uỷ viên uỷ ban kiểm tra đảng uỷ không là uỷ viên ban chấp hành được mời dự hội nghị đảng uỷ (trừ nội dung họp riêng). Tuỳ theo nội dung, ban thường vụ có thể mời lãnh đạo các đơn vị trực thuộc không là uỷ viên ban chấp hành dự họp để báo cáo, tiếp thu nội dung liên quan.

2. Ban thường vụ, thường trực đảng uỷ có trách nhiệm chuẩn bị hội nghị đảng uỷ, hội nghị ban thường vụ đảng uỷ; xác định rõ mục đích, yêu cầu, nội dung, phạm vi, thành phần của mỗi hội nghị. Đối với những vấn đề đột xuất, chưa có trong chương trình hội nghị, nếu xét thấy quan trọng và cấp thiết thì đơn vị chủ trì báo cáo thường trực đảng uỷ hoặc ban thường vụ đảng uỷ xem xét, quyết định.

3. Các đơn vị được phân công chuẩn bị phải gửi tài liệu phục vụ hội nghị đến văn phòng đảng uỷ trước kỳ họp ít nhất... ngày để thẩm định; văn phòng đảng uỷ gửi giấy mời và tài liệu hội nghị đến các thành viên trước kỳ họp... ngày làm việc đối với hội nghị đảng uỷ và trước... ngày làm việc đối với hội nghị ban thường vụ đảng uỷ (trừ trường hợp hội nghị đột xuất).

4. Các cuộc họp của ban chấp hành, ban thường vụ, thường trực đảng uỷ đều phải ghi biên bản, có kết luận cụ thể và ban hành nghị quyết.

5. Căn cứ nội dung cuộc họp, đảng uỷ, ban thường vụ đảng uỷ mời đại diện các cơ quan, tổ chức có liên quan dự. Cuộc họp có nội dung về công tác xây dựng Đảng, công tác tổ chức, cán bộ phải mời đại diện các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ cấp trên dự.

Điều 11. Chế độ ban hành, quản lý văn bản

1. Thẩm quyền ban hành văn bản của đảng uỷ, ban thường vụ đảng uỷ: Thực hiện theo quy định của Ban Bí thư về thể loại, thẩm quyền ban hành và thể thức văn bản của Đảng.

2. Các ý kiến chỉ đạo của thường trực đảng uỷ tại cuộc họp hoặc làm việc đều phải văn bản hoá và do văn phòng đảng uỷ ban hành (trừ những việc bí thư, phó bí thư đảng uỷ trực tiếp chỉ đạo xử lý và không yêu cầu ra văn bản).

3. Kết luận, quyết định, văn bản chỉ đạo của tập thể thường trực, của từng đồng chí trong thường trực đảng uỷ phải bảo đảm đúng thể thức, thể loại văn bản của Đảng, ký ban hành đúng thẩm quyền và được phát hành, quản lý, lưu trữ theo quy định.

Điều 12. Chế độ thông tin, báo cáo và bảo mật

1. Ban thường vụ, thường trực đảng uỷ giao văn phòng đảng uỷ chủ trì, phối hợp ban tuyên giáo đảng uỷ có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin theo quy định và những vấn đề nổi bật của đảng bộ cho uỷ viên ban chấp hành đảng bộ.

2. Các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc, cơ quan tham mưu, giúp việc của đảng uỷ và các tổ chức chính trị - xã hội báo cáo (bằng văn bản) với ban thường vụ đảng uỷ về tình hình, kết quả triển khai thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các nghị quyết, chỉ thị, văn bản chỉ đạo của đảng uỷ, ban thường vụ đảng uỷ và việc thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao theo yêu cầu. Khi có tình hình, công việc đột xuất, cấp thiết hoặc vượt quá thẩm quyền phải kịp thời báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của thường trực, ban thường vụ đảng uỷ.

3. Uỷ viên ban chấp hành đảng bộ, đại biểu được mời dự hội nghị phải thực hiện nghiêm chế độ bảo mật về nội dung, tài liệu hội nghị và kỷ luật phát ngôn theo quy định của Đảng và Nhà nước.

Điều 13. Chế độ tự phê bình và phê bình

1. Hằng năm, tập thể ban thường vụ đảng uỷ, bí thư, phó bí thư, uỷ viên ban thường vụ tiến hành kiểm điểm tự phê bình và phê bình, kiểm điểm trách nhiệm nêu gương theo quy định. Kết quả kiểm điểm được báo cáo tại hội nghị đảng uỷ để lấy ý kiến góp ý và báo cáo cấp trên theo quy định.

2. Cuối nhiệm kỳ, đảng uỷ kiểm điểm công tác lãnh đạo, chỉ đạo; uỷ viên ban chấp hành đảng bộ, uỷ viên ban thường vụ đảng uỷ tiến hành tự phê bình và phê bình gắn với kiểm điểm đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết đại hội.

Điều 14. Chế độ đi công tác, tiếp xúc với cán bộ, đảng viên trong doanh nghiệp

1. Hằng năm, ban thường vụ đảng uỷ làm việc với ban thường vụ một số đảng bộ, chi uỷ các chi bộ trực thuộc để nắm tình hình và tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo.

2. Bí thư, phó bí thư đảng uỷ chủ động xây dựng kế hoạch làm việc với các tổ chức chính trị - xã hội và tiếp xúc, đối thoại với cán bộ, đảng viên, người lao động trong doanh nghiệp.

3. Uỷ viên ban chấp hành đảng bộ xây dựng kế hoạch nắm tình hình, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, đôn đốc cơ sở thực hiện chủ trương, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước; lắng nghe tâm tư, nguyện vọng, đề xuất, kiến nghị của cán bộ, đảng viên, người lao động, qua đó giúp cơ sở kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

Điều 15. Tổ chức sơ kết, tổng kết nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Trung ương, của cấp trên và của đảng uỷ

1. Căn cứ quy định và yêu cầu công tác lãnh đạo, chỉ đạo, ban thường vụ đảng uỷ ban hành chương trình, kế hoạch và chỉ đạo sơ kết, tổng kết việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Trung ương, của cấp uỷ cấp trên và của đảng uỷ; báo cáo với Trung ương, cấp trên và thông báo cho cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc theo quy định.

2. Nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Trung ương, của cấp trên và của đảng uỷ thuộc lĩnh vực nào thì ban thường vụ đảng uỷ giao cho đơn vị có liên quan chủ trì chịu trách nhiệm chuẩn bị nội dung sơ kết, tổng kết. Những vấn đề liên quan nhiều cơ quan, đơn vị thì ban thường vụ giao một đơn vị chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hoặc thành lập tổ công tác để chuẩn bị nội dung sơ kết, tổng kết.

Chương IV
MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 16. Với hội đồng thành viên/hội đồng quản trị, tổng giám đốc

1. Đảng uỷ lãnh đạo trực tiếp mọi hoạt động của doanh nghiệp; bảo đảm doanh nghiệp hoạt động đúng chủ trương, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; lãnh đạo sự phối hợp giữa hội đồng thành viên/hội đồng quản trị và tổng giám đốc trong thực hiện chức trách, quyền hạn được giao.

2. Đảng uỷ thảo luận ra nghị quyết, kết luận để lãnh đạo hội đồng thành viên/hội đồng quản trị, tổng giám đốc thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất, kinh doanh, phát triển doanh nghiệp và công tác tổ chức, cán bộ của doanh nghiệp. Hội đồng thành viên/hội đồng quản trị, tổng giám đốc báo cáo và đề xuất đảng uỷ ra nghị quyết hoặc kết luận lãnh đạo thực hiện kế hoạch hằng năm, kế hoạch trung hạn, dài hạn; các chủ trương đầu tư, cổ phần hoá, thoái vốn đầu tư của Nhà nước trong doanh nghiệp; chủ trương phát triển sản xuất, kinh doanh quan trọng.

Định kỳ hằng quý hoặc đột xuất khi có yêu cầu thì đại diện hội đồng thành viên/hội đồng quản trị, tổng giám đốc báo cáo đảng uỷ về tình hình thực hiện và những chủ trương, phương hướng, nhiệm vụ tiếp theo của doanh nghiệp.

Điều 17. Với tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương

1. Đảng uỷ chấp hành sự lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát của tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương theo quy định của Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn của Trung ương.

2. Tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương phối hợp với đảng đoàn, ban cán sự đảng các bộ, ngành, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương lãnh đạo đảng uỷ cấp trên cơ sở trong doanh nghiệp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của đảng uỷ trong Quy chế này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi tổ chức.

3. Đảng uỷ cấp trên cơ sở trong doanh nghiệp nhà nước thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất với cấp uỷ cấp trên trực tiếp theo quy định.

Điều 18. Với đảng đoàn, ban cán sự đảng bộ, ngành, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương

1. Đảng đoàn, ban cán sự đảng bộ, ngành, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương phối hợp với tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát đảng uỷ thực hiện công tác xây dựng Đảng, công tác tổ chức, cán bộ, xây dựng doanh nghiệp, xây dựng các tổ chức chính trị - xã hội; việc chấp hành chủ trương, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, điều lệ, nghị quyết của các tổ chức chính trị - xã hội theo phân công, phân cấp quản lý.

2. Khi xem xét, quyết định quy hoạch cấp uỷ, cán bộ lãnh đạo, quản lý hoặc quyết định về nhân sự của doanh nghiệp tham gia cấp uỷ; xem xét, quyết định về công tác tổ chức, cán bộ có liên quan thì đảng đoàn, ban cán sự đảng các bộ, ngành, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương theo phân cấp quản lý chủ động trao đổi, thống nhất và quyết định theo thẩm quyền. Trường hợp chưa thống nhất thì bên chủ trì quyết định và chịu trách nhiệm, đồng thời báo cáo lên cấp trên trực tiếp.

Điều 19. Với các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ cấp trên

1. Đảng uỷ chịu sự hướng dẫn, kiểm tra, giám sát của các cơ quan tham mưu, giúp việc tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

2. Đảng uỷ phối hợp với các cơ quan tham mưu, giúp việc của tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc theo quy định.

Điều 20. Với cấp uỷ địa phương nơi có tổ chức đảng các đơn vị thành viên đóng trên địa bàn

Ban thường vụ đảng uỷ phối hợp công tác với cấp uỷ địa phương theo quy định tại Quyết định số 61-QĐ/TW, ngày 08/3/2022 của Ban Bí thư ban hành "Quy chế phối hợp giữa đảng uỷ tập đoàn kinh tế, tổng công ty, ngân hàng thương mại nhà nước với cấp uỷ địa phương".

Điều 21. Với các cấp uỷ, chi bộ trực thuộc

Đảng uỷ mà trực tiếp là ban thường vụ đảng uỷ lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện các mặt công tác đối với các tổ chức đảng trực thuộc. Trực tiếp làm việc với tập thể cấp uỷ, chi bộ trực thuộc theo định kỳ hoặc khi cần thiết. Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, nắm tình hình hoạt động của cấp uỷ và định hướng các mặt công tác lớn. Thông qua các cơ quan tham mưu, giúp việc của đảng uỷ và các đồng chí được phân công phụ trách, theo dõi để nắm tình hình các mặt công tác của các cấp uỷ, chi bộ trực thuộc. Các đảng uỷ trực thuộc có trách nhiệm mời các đồng chí được phân công phụ trách, theo dõi dự các cuộc họp của đảng uỷ, ban thường vụ đảng uỷ.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Tổ chức thực hiện

1. Uỷ viên ban chấp hành đảng bộ, uỷ viên ban thường vụ, bí thư, phó bí thư đảng uỷ và các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc đảng uỷ có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

2. Văn phòng đảng uỷ chủ trì, phối hợp với ban tổ chức đảng uỷ, uỷ ban kiểm tra đảng uỷ và các cơ quan liên quan giúp đảng uỷ, ban thường vụ đảng uỷ theo dõi việc thực hiện Quy chế, đề xuất sửa đổi, bổ sung khi cần thiết. Cuối nhiệm kỳ tổng kết, đánh giá thực hiện Quy chế.

3. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, thay thế Quy chế làm việc số ....., ngày ..... của ban chấp hành đảng bộ...(tên doanh nghiệp) nhiệm kỳ ...

Lưu ý: Ngoài nội dung của Quy chế mẫu, đảng uỷ căn cứ Quy định số 87-QĐ/TW, ngày 28/10/2022 của Ban Bí thư, các quy định có liên quan của Đảng và đặc thù của doanh nghiệp để bổ sung phù hợp thực tế và đúng quy định.

T/M BAN CHẤP HÀNH
BÍ THƯ
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Cấp uỷ cấp trên,
- Các ban đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng Trung ương,
- Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương (nơi có tổ chức đảng trực thuộc đảng uỷ đóng trên địa bàn địa phương),
- Các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc,
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc của đảng uỷ,
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc,
- Các tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp,
- Lãnh đạo các đơn vị,
- Các đồng chí uỷ viên ban chấp hành đảng bộ,
- Các đồng chí uỷ viên uỷ ban kiểm tra đảng uỷ,
- Lưu văn phòng đảng uỷ.